

# Mục lục

|                                                                                                      |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Lời nói đầu .....                                                                                    | 1  |
| <i>Biên soạn: CTCP Nhịp điệu Toàn cầu 123 – 123 Global</i>                                           |    |
| Vì sao cà phê giảm giá?.....                                                                         | 5  |
| <i>Biên soạn: CTCP Nhịp điệu Toàn cầu 123 – 123 Global</i>                                           |    |
| Thị trường cà phê tháng 9/2015: Giá cà phê thiết lập mức đáy mới của năm 2015 .....                  | 7  |
| <i>Biên soạn: Th.S Lê Thị Mỹ Tâm – Trần Khải Nam Trung</i>                                           |    |
| Bức tranh toàn cảnh diễn biến giá cà phê trong niên vụ 2014/15 .....                                 | 14 |
| <i>Biên soạn: Th.S Huỳnh Nhật Hà – Lê Nam</i>                                                        |    |
| Triển vọng giá cà phê trong niên vụ 2015/16 .....                                                    | 22 |
| <i>Biên soạn: Th.S Huỳnh Nhật Hà – Trần Khải Nam Trung</i>                                           |    |
| Tình hình sản xuất, kinh doanh cà phê trong nước và hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật..... | 32 |
| <i>Biên soạn: TS. Trịnh Đức Minh và cộng sự</i>                                                      |    |
| Tình hình thị trường cà phê thế giới và trong nước .....                                             | 45 |
| <i>Biên soạn: Th.S Lương Văn Tỵ và cộng sự</i>                                                       |    |
| Từ lý thuyết đến thực hành .....                                                                     | 58 |
| <i>Biên soạn: CTCP Nhịp điệu Toàn cầu 123 – 123 Global</i>                                           |    |

## LỜI NÓI ĐẦU

Chào bạn,

Nhớ lại, thời điểm này năm ngoái, giá cà phê thăng hoa và người dân cà phê được tận hưởng cảm giác thăng hoa trong vài ngày đầu tiên của niên vụ mới.

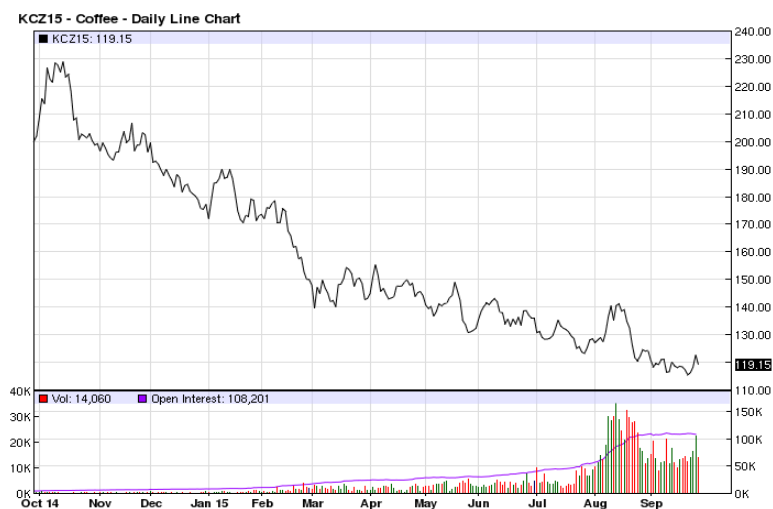


Niên vụ cà phê 2014/2015 đã trôi qua với nỗi buồn nhiều hơn niềm vui vì giá cà phê đã giảm dần, giảm dai dẳng từ giữa tháng 10/2014 đến nay. Tuần trước, giá cà phê hồi phục mạnh khiến nhiều người trồng và kinh doanh cà phê chột vui. Nhưng, giá cà phê lại quay đầu giảm mạnh trong ngày thứ Hai 28/9/2015, mất 50 USD trong phiên giao dịch cận kề ngày kết thúc niên vụ cà phê 2014/2015 khiến niềm vui vụt tắt...

Phải nói rằng, chưa có bao giờ mà giá cà phê lại lệ thuộc vào những gì không thuộc về cà phê như thời điểm hiện nay. Yếu tố cung cầu bị lơ đi, yếu tố thời tiết bị quên lãng, nguồn cung thắt chặt từ Việt Nam cũng không cứu được giá cà phê...

Niên vụ 2014/2015, giá cà phê đã bị các yếu tố “ngoại lai” lèo lái, đó là sự tăng giá mạnh mẽ của đồng USD, sự giảm giá kỷ lục của các đồng tiền của các nước sản xuất cà phê, sự chao đảo của thị trường tài chính Trung Quốc hay khủng hoảng nợ công của Hy Lạp,...

Niên vụ 2015/2016 bắt đầu với việc giá cà phê nằm ở vùng giá thấp nhất nhiều tháng qua, với khủng hoảng kinh tế và địa chính trị của quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, với sự mất giá chưa có điểm dừng của đồng tiền của các thị trường mới nổi, với nỗi sợ hãi Cục dự trữ liên bang Mỹ sẽ tăng lãi suất và nhiều điều âu lo khác...



Nhiều nhà phân tích đang dự báo nguy cơ cho thị trường cà phê vẫn đang nằm ở phía trước vì rủi ro giảm phát đang phủ bóng đen lên kinh tế toàn cầu...

Nhưng, điều gì cũng có thể xảy ra, lịch sử đã minh chứng một điều, trong cơn bĩ cực trong quá khứ, giá cà phê đã nhiều lần lội ngược dòng vút cao...

Quá khứ tự nó sẽ lặp lại và chúng ta có quyền hy vọng!

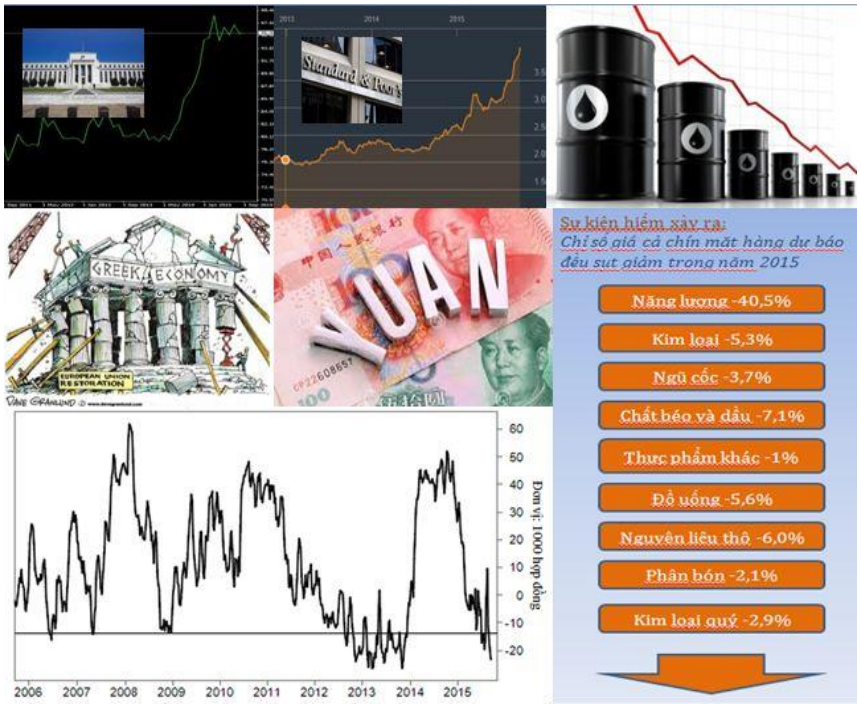
Mặc dù vậy, chúng ta cần nhìn thẳng vào sự thật và mỗi người, mỗi doanh nghiệp cần nghiêm túc lập ra một chiến lược kinh doanh hiệu quả cho ngành hàng cà phê trước những biến động khó lường của toàn cầu hóa. **Nội san chuyên ngành cà phê – Tháng 9/2015** xin hân hạnh giới thiệu với bạn những bài viết tổng quan về diễn biến giá cà phê cũng như đưa ra dự báo triển vọng giá cà phê trong niên vụ từ các chuyên gia của [www.123chienluoc.com](http://www.123chienluoc.com) để bạn tham khảo.

Thân chúc bạn bước vào niên vụ cà phê 2015/2016 với sự sáng khoái và một kế hoạch kinh doanh cà phê hiệu quả!

Thân ái,

**123 GLOBAL**

## Vì sao cà phê giảm giá?



Trong niên vụ 2014/2015, giá cà phê giảm liên tục và kéo dài do nhiều yếu tố tác động. Trong đó, nổi bật là các yếu tố toàn cầu và tiền tệ. Bao gồm:

1. Kinh tế Mỹ phát triển và kỳ vọng Fed tăng lãi suất khiến USD tăng mạnh.
2. Đồng BRL và các đồng tiền của các nước sản xuất cà phê giảm sâu.

3. Giá dầu giảm, kéo theo suy giảm kinh tế, giảm phát khắp nơi trên thế giới.
4. Các loại hàng hóa chủ yếu giảm giá.
5. Khủng hoảng nợ công của Hy Lạp.
6. Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ, chứng khoán Trung Quốc chao đảo.
7. Xu thế đầu cơ giá xuống tăng mạnh thể hiện qua báo cáo Cam kết thương nhân của CFTC.

***Nguồn : 123CHIENLUOC.COM***

## **Thị trường cà phê tháng 9/2015:**

### **Giá cà phê thiết lập mức đáy mới của năm 2015**

*Th.S Lê Thị Mỹ Tâm - Trần Khải Nam Trung*

***(123 GLOBAL) – Nếu như trong tháng 8/2015, giá cà phê chao đảo vì đồng nhân dân tệ của Trung Quốc bị phá giá, thì giá cà phê thế giới đã tiếp tục giảm mạnh vì sự mất giá kỷ lục của đồng real của Brazil trong tháng 9/2015.***

Bước vào tháng 9, giá cà phê giảm do ảnh hưởng tiêu cực từ sự rung lắc mạnh của thị trường tài chính thế giới, làm đẩy lên quan ngại sụt giảm nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu. Đồng hành là đồng Real của Brazil giảm xuống mức đáy nhiều năm so với đồng USD phủ lên bóng mây không mấy sáng sủa đối với các thị trường cà phê.

Đồng real đã giảm giá mạnh so với đồng USD và so với hầu hết các đồng tiền chính khác trong tháng 9 và chỉ hồi phục nhẹ trong vài ngày gần đây, nhưng vẫn nằm ở vùng thấp kỷ lục trong 13 năm nay.

Các chỉ số kinh tế suy yếu, Ngân hàng Trung ương Brazil (BCB) duy trì lãi suất cơ bản không đổi ở mức 14,25% sau 7 lần tăng lãi suất liên tục trước đó, hẫng đánh giá tín nhiệm Standard & Poor's hạ tín nhiệm của Brazil xuống hạng rác, xu thế đầu tư vào đồng USD tăng mạnh với kỳ vọng Fed sớm tăng lãi suất cơ bản trong năm 2015,... đã khiến đồng nội tệ của Brazil trượt dốc không phanh. Brazil là quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới với xuất khẩu nông sản là

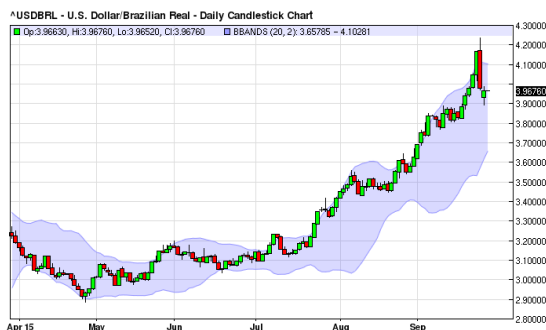
chủ yếu nên sự mất giá của đồng tiền nước này đã ảnh hưởng xấu tới giá cả nông sản, trong đó có cà phê.

Cuộc thảo luận luận tội Tổng thống Rousseff do các nhà lãnh đạo đối lập tiến hành được xem là biện pháp kiên quyết nhất nhằm cố gắng loại bỏ bà Rousseff khỏi chiếc ghế Tổng thống trước những bất đồng ngày càng gia tăng đối với việc nền kinh tế Brazil ngày càng yếu kém.

Đồng real chính thức giảm qua mốc 4.0 so với đồng USD do thông tin bà Russeff không thể thông qua kế hoạch cắt giảm ngân sách do cơ quan lập pháp không đồng thuận với gói 65 tỷ real tương đương 17 tỷ USD tăng thuế và cắt giảm chi tiêu ngân sách, làm dấy lên quan ngại về tín nhiệm của Brazil đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc Fed không tăng lãi suất cơ bản tại cuộc họp chính sách tiền tệ ngày 18/9/2015 khiến đồng USD suy yếu cũng không hỗ trợ được nhiều cho đồng real khi đồng tiền này đã giảm giá 32% trong năm 2015.

### Hình 1. Đồng real giảm giá kỷ lục trong tháng 9/2015



*Nguồn: Barchart, 2015*

Tỷ giá USDBRL đã tăng liên tục từ mức 1,5 vào giữa năm 2011 lên mức kỷ lục trong 13 năm qua tại 4,2478 vào ngày 24/09/2015. Tỷ giá USDBRL càng tăng có nghĩa là đồng real càng mất giá.

Đà giảm giá cả phê tăng tốc khi các đồng tiền của các nước sản xuất cà phê hàng đầu thế giới thuộc top 4 (Brazil, Việt Nam, Indonesia và Colombia) đồng loạt giảm giá xuống mức đáy nhiều năm qua.

### **Hình 2. Đồng real lập mức thấp kỷ lục trên ngưỡng 4.0 so với đồng USD**



*Nguồn: Trading Economics, 2015*

Đến khi đồng real thiết lập mức thấp kỷ lục 4.2478 so với đồng USD là mức thấp nhất kể từ khi đồng real được giới thiệu vào năm 1994, các thị trường cà phê cũng thiết lập vùng giá thấp nhất trong tháng và cũng là mức thấp nhất của niên vụ 2014/2015.

Bộ Tài chính và Ngân hàng Trung ương Brazil đã có nhiều động thái can thiệp để ngăn chặn đà giảm giá đồng nội tệ vào cuối tuần qua, đã giúp đồng real tăng lại đôi chút. Tỷ giá USDBRL giảm lại mức 3,9749 khi kết thúc phiên giao dịch 24/09/2015, nhưng lại tăng lên mức 4,0398 vào cuối phiên 25/09/2015.

Bộ Tài chính Brazil công bố chương trình bán đấu giá nợ công hàng ngày để cung cấp thêm tính thanh khoản cho thị trường nợ công địa phương. Theo kế hoạch này, Bộ Tài chính Brazil sẽ bán và mua lại trái phiếu lãi suất cố định được thực hiện hằng ngày trong khoảng thời gian giữa ngày 25/9 – 02/10/2015.

Trong khi đó, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Brazil (BCB) ông Alexandre Tombini cho biết Brazil có thể sử dụng dự trữ ngoại hối quốc gia để hỗ trợ đồng real. BCB đã phục hồi niềm tin nhà đầu tư khi cho biết họ sẽ sử dụng tất cả các công cụ sẵn có để ngăn chặn đà giảm giá của đồng nội tệ vốn đã giảm xuống mức thấp kỷ lục 4.2478 real so với USD và đồng tiền này đã phục hồi 7,5% trước khi thiết lập mức tăng trong 1 phiên lớn nhất kể từ tháng 11/2008. Tuy nhiên giới giao dịch tiền tệ cảnh báo họ kỳ vọng đà phục hồi này chỉ xảy ra tạm thời trong ngắn hạn.

Ngày 14/9/2015, Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE) đã hạ dự báo sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2015/16 xuống mức 43,7 triệu bao loại 60kg, giảm 1% so với ước tính vào tháng 7/2015 và giảm so với sản lượng cà phê niên vụ trước (45 triệu bao). Nguyên nhân sản lượng cà phê Brazil năm nay giảm là do năng suất cà phê arabica giảm tại bang

Minas Gerais. Cập nhật điều chỉnh giảm dự báo của IBGE đã mang lại niềm lạc quan cho nhà đầu tư, nhưng đây chỉ là một trong những thông tin hỗ trợ ít ỏi cho thị trường cà phê trong tháng 9/2015.

### **Hình 3. Khởi đầu bất lợi nhưng giá cà phê arabica giao tháng 12 đang phục hồi về cuối tháng**



*Nguồn: 123chienluoc.com, 2015*

Trong tháng 9/2015, thị trường cà phê arabica tương lai dao động trong biên độ 114,55 – 124,90 cent/lb và đóng cửa tại mức 119,15 cent/lb vào ngày 29/9/2015 trên kỳ hạn giao tháng 12/2015 và có thể kết thúc tháng 9 ở mức giảm hoặc ít thay đổi so với giá mở cửa đầu tháng.

Trong khi đó, thị trường cà phê robusta tương lai dao động trong biên độ 1614 – 1497 USD/tấn và đóng cửa tại mức 1548 USD/tấn vào ngày 29/9/2015 trên kỳ hạn giao tháng 11/2015 (giảm 48 USD trong phiên đầu tuần cuối cùng của

tháng 9/2015) và có thể đóng cửa tháng ít biến thay đổi so với giá mở cửa đầu tháng 9/2015.

Giá cà phê trên các sàn kỳ hạn thế giới phục hồi từ mức thấp nhất trong tháng nhưng xu thế vẫn kém ổn định, nhiều rủi ro. Giá cà phê nhân xô trong nước cũng ổn định trở lại dù vẫn xoay quanh khu vực 35,5 – 36,5 triệu đồng/tấn. Cách đây vài ngày, giá cà phê nhân xô từng giảm xuống quanh 34 triệu/tấn.

#### **Hình 4. Giá cà phê robusta giao tháng 11 vẫn bất ổn trước ngày bắt đầu niên vụ cà phê 2015/16 tại Việt Nam**

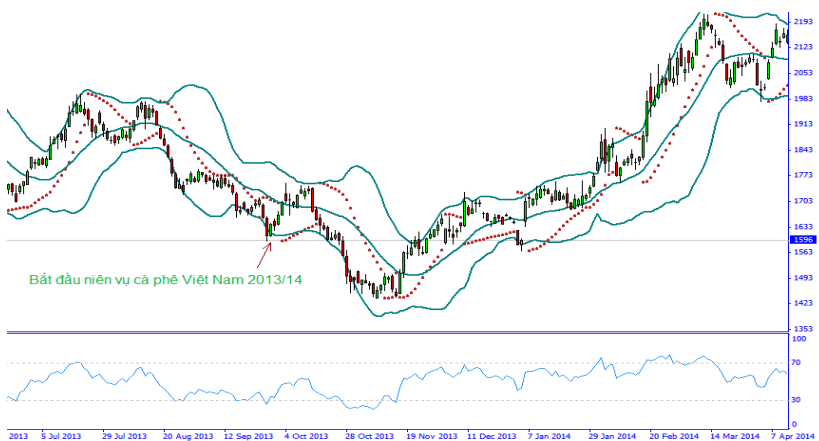


*Nguồn: 123chienluoc.com, 2015*

Các báo cáo cho biết người trồng cà phê và nhà sản xuất cà phê tại Việt Nam vẫn duy trì sự kháng giá cao độ khiến Việt Nam vẫn đang nắm giữ lượng dự trữ cà phê vụ cũ ở mức khá lớn và lượng cà phê xuất khẩu từ Việt Nam giảm mạnh trong niên vụ 2014/2015. Tổng cục Hải quan vừa cho biết, xuất khẩu cà phê trong nửa đầu tháng 9 chỉ đạt 40.616 tấn.

Tổng lượng xuất khẩu cà phê từ đầu năm 2015 đạt 920.021 tấn, giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2014.

Một số ước tính đánh giá sản lượng cà phê Việt Nam năm nay sẽ đạt thấp do ảnh hưởng hiện tượng El Nino có thể tạo một chút lác quan cho nhà đầu tư. Nhưng việc trời sục mạnh ở vùng giá thấp nhất năm 2015 đang làm người dân trồng cà phê và giới kinh doanh lo lắng.



Lịch sử cho thấy thời điểm bắt đầu niên vụ cà phê Việt Nam 2013/2014 và 2014/2015, thị trường cà phê robusta tại London duy trì phục hồi trong vòng hai tuần giao dịch trước khi tiếp tục đà giảm giá, rồi sau đó bắt đầu chu kỳ phục hồi mạnh. Lịch sử có xu thế tự nó lặp lại và niềm tin vào lịch sử đôi khi cho nhà đầu tư những bài học quý báu.

Tuy nhiên, nếu như mức giá đóng cửa vào ngày 30/9/2015 ở mức quanh giá mở cửa tháng này thì xu thế tăng mạnh sẽ có thể bắt đầu. Khi đó, niềm tin rằng giá cà phê đã hoàn thành mức đáy trong tháng 9/2015 lên tới trên 80%.

# Bức tranh toàn cảnh diễn biến giá cà phê trong niên vụ 2014/15

Th.S Huỳnh Nhật Hà – Lê Nam

*(123 GLOBAL) - Giá cà phê giảm từ đầu niên vụ tới cuối niên vụ 2014/2015 và vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc. Nguyên nhân chính khiến giá cà phê giảm là sự tác động của các yếu tố kinh tế toàn cầu và sự biến động của tỷ giá hối đoái.*

| ARABICA                                                                                                                                                                                                                             | ROBUSTA                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ chênh lệch giá giữa Arabica so với Robusta giảm từ mức trên 110 cent/lb xuống quanh 55 cent/lb                                                                                                                                   |                                                                                                                                         |
| ICE FUTURES US                                                                                                                                                                                                                      | ICE FUTURES EUROPE                                                                                                                      |
|                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                         |
| <p>Arabica giao tháng 12/2015 đang giảm về mức 119,15 cent/lb hay giảm 48,62% kể từ đỉnh cao thiết lập vào ngày 13/10/2014 tại 231,50 cent/lb.</p>                                                                                  | <p>Robusta giao tháng 11/2015 đang giảm về 1548 USD/tấn hay giảm 30,68% so với đỉnh cao thiết lập ngày 09/10/2014 tại 2233 USD/tấn.</p> |
| <h3>Cà phê nhân xô tại Việt Nam</h3> <p>Dao động trong vùng giá từ 33,5 – 34,0 triệu/tấn đến 42,5 – 43,0 triệu/tấn trong niên vụ 2014/2015 và đang ở mức quanh 35,5 triệu/tấn, giảm khoảng 15% so với đỉnh cao của đầu niên vụ.</p> |                                                                                                                                         |

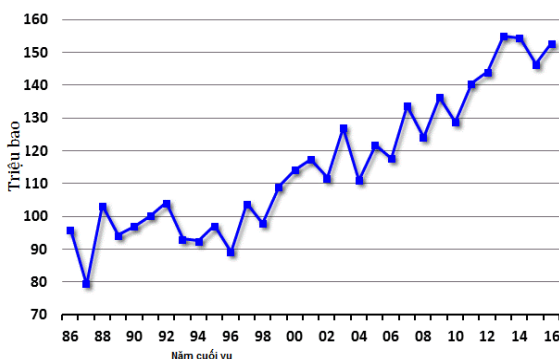
## Giá cà phê giảm sút trong niên vụ 2014/2015

Xu hướng chính của các thị trường cà phê thế giới trong niên vụ 2014/15 là giảm giá do nhiều yếu tố tác động, bao gồm yếu tố cung cầu (tương quan về sản lượng, tiêu thụ và tồn kho cà phê cuối vụ), yếu tố tiền tệ (xu hướng đồng USD và các đồng nội tệ ở các nước xuất khẩu cà phê), môi trường kinh tế vĩ mô tại các nền kinh tế lớn nhất nhì thế giới và các nền kinh tế mới nổi, yếu tố thời tiết (hiện tượng El Nino, hạn hán, lượng mưa) và nhiều thông tin khác.

## Nguồn cung cà phê thiếu hụt

Bộ Nông nghiệp Mỹ cho biết sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2014/15 ước đạt 146,3 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Brazil đạt 51,2 triệu bao, Việt Nam: 28,2 triệu bao, Colombia: 12,5 triệu bao, Indonesia: 8,8 triệu bao; sản lượng cà phê gộp cả Mê-hi-cô và các nước Trung Mỹ đạt 16,0 triệu bao.

**Hình 1. Sản lượng cà phê thế giới qua các niên vụ**



*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

Sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2014/15 giảm so với niên vụ trước (2013/14: 151,1 triệu bao) là do năng suất cà phê tại Brazil và Việt Nam đạt thấp hơn kỳ vọng bởi ảnh hưởng hạn hán trong khi dịch nấm gỉ sét lá cũng khiến cho sản lượng cà phê tại Trung Mỹ sụt giảm.

Xuất khẩu cà phê thế giới niên vụ 2014/15 ước đạt 104,9 triệu bao. Trong đó Brazil xuất khẩu 32,5 triệu bao do nhu cầu từ Mỹ và Châu Âu mạnh. Việt Nam ước xuất khẩu 25 triệu bao cà phê, Colombia xuất khẩu 11 triệu bao cà phê và Indonesia xuất khẩu 5,1 triệu bao.

Đa phần các báo cáo cho thấy niên vụ cà phê 2014/15 thiếu hụt nguồn cung ở năm thứ 2 liên tiếp. Công ty Volcafe ước tính niên vụ 2014/15 thế giới thiếu 6,4 triệu bao cà phê, khi tồn kho của Brazil liên tục sụt giảm trong cả niên vụ này. Nguồn cung robusta tăng tương đối so với nguồn cung arabica, bởi tồn kho robusta ở các nước sản xuất được dự đoán tăng lên, có thể sẽ kích lệ các nhà chế biến chuyển sang tăng cường sử dụng cà phê robusta trong công thức pha trộn.

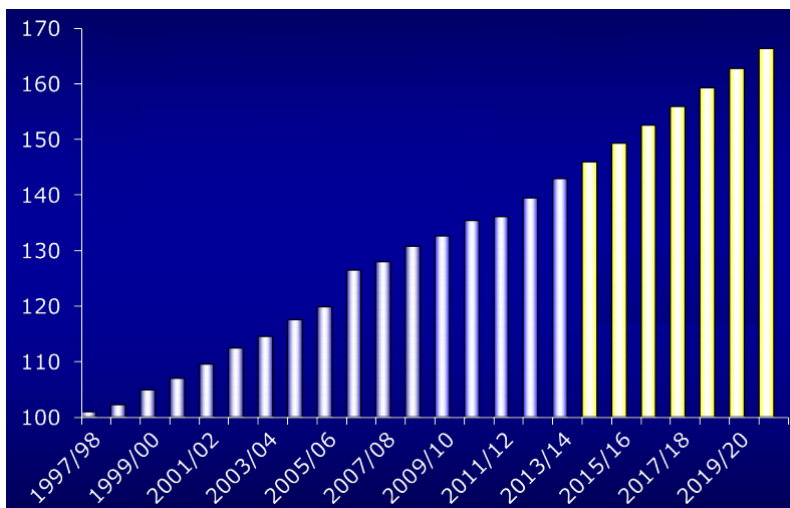
### **Nhu cầu tiêu thụ cà phê tăng theo đà tăng dân số**

Tổng tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2014/15 ước đạt 145,9 triệu bao, trong đó tiêu thụ tại Châu Âu đạt 43,9 triệu bao, tại Mỹ đạt 24 triệu bao, Brazil: 23,3 triệu bao, Nhật Bản: 7,8 triệu bao.

Dân số thế giới đang ngày càng tăng lên với tốc độ tăng trưởng 1 tỷ người/10 năm. Chính vì vậy, nhu cầu tiêu thụ cà phê trên thế giới cũng tăng theo hàng năm. Theo Tổ chức Cà

phê Quốc tế (ICO), tăng trưởng tiêu thụ cà phê toàn cầu hàng năm đạt tỷ lệ 2,3% kể từ năm 2011 (tỷ lệ trung bình 10 năm là 2,5%, trong đó các nước xuất khẩu đạt 4,0% và các nước nhập khẩu đạt 1,6%).

**Hình 2. Biểu đồ tăng trưởng tiêu thụ cà phê**

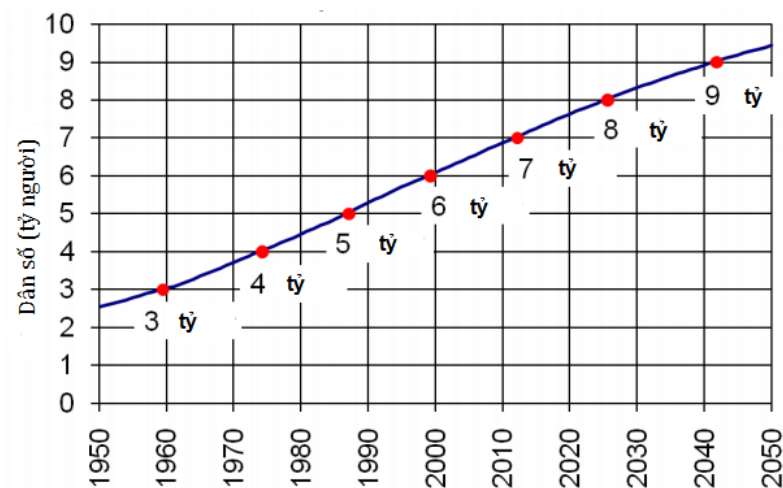


*Nguồn: ICO, 2015*

Nhu cầu tiêu thụ cà phê vẫn mạnh ở nhiều nước, đặc biệt ở các thị trường truyền thống như Liên minh Châu Âu, Mỹ, Canada, Nhật Bản) nhưng tiềm năng lớn nằm ở các thị trường mới nổi như Algeria, Australia, Nga, Hàn Quốc.

Dân số thế giới tiếp tục tăng 75 triệu người/năm khiến nhu cầu tiêu dùng cà phê toàn cầu chứng tỏ miễn nhiễm với suy giảm kinh tế.

**Hình 3. Dân số thế giới giai đoạn 1950 - 2050**



*Nguồn: Cục Điều tra Dân số Mỹ, 2015*

### **Giá cà phê giảm do ảnh hưởng từ thị trường hối đoái**

Nguyên nhân chủ yếu làm giá cà phê giảm là đồng USD mạnh lên và sự mất giá của các đồng tiền của các nước sản xuất cà phê.

Trong năm qua, các đồng tiền tại một số nước xuất khẩu, đáng chú ý nhất là đồng real Brazil (BRL), đã giảm giá đáng kể so với đồng USD. Đồng BRL giảm do đồng USD mạnh lên và kinh tế toàn cầu suy giảm, cùng với nạn tham nhũng, lạm phát và sự điều hành yếu kém của chính phủ nước này. Trong khi đó, đồng VNĐ của Việt Nam cũng giảm mạnh sau các động thái nới rộng biên độ và tăng tỷ giá Ngân hàng Nhà nước (NHNN), phản ứng với hành động phá giá đồng tiền nhân dân tệ của Trung Quốc.

Các nhà phân tích đều đồng thuận rằng, sự mất giá của các đồng tiền của các nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới (Brazil, Việt Nam, Indonesia, Colombia) và sự tăng giá mạnh mẽ của đồng USD so với các đồng tiền chính khác trong rổ tiền tệ là nguyên nhân chính khiến giá cà phê thế giới giảm sâu, dai dẳng.

Trung Quốc suy thoái và phá giá đồng tiền, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) lên kế hoạch tăng lãi suất cơ bản và khủng hoảng kinh tế - địa chính trị tại Brazil là 3 nguyên nhân khiến các “đồng tiền cà phê” suy yếu.

**Hình 4. Tín nhiệm của Brazil đang ở hạng thấp nhất trong số các nước sản xuất cà phê**

| Nước      | S&P         |          | Moody's |          | Fitch       |          |
|-----------|-------------|----------|---------|----------|-------------|----------|
| Brazil    | <b>BB+</b>  | Tiêu cực | Baa3    | Ổn định  | <b>BBB</b>  | Tiêu cực |
| Colombia  | <b>BBB</b>  | Ổn định  | Baa2    | Ổn định  | <b>BBB</b>  | Ổn định  |
| Ấn Độ     | <b>BBB-</b> | Ổn định  | Baa3    | Tích cực | <b>BBB-</b> | Ổn định  |
| Indonesia | <b>BB+</b>  | Tích cực | Baa3    | Ổn định  | <b>BBB-</b> | Ổn định  |
| Mê-hi-cô  | <b>BBB+</b> | Ổn định  | A3      | Ổn định  | <b>BBB+</b> | Ổn định  |
| Việt Nam  | <b>BB-</b>  | Ổn định  | B1      | Ổn định  | <b>BB-</b>  | Ổn định  |

*Nguồn: Trading Economics, 2015*

Đồng nội tệ của Brazil giảm giá kỷ lục là một trong những sự kiện nổi bật trong bức tranh ảm đạm của giá cà phê niên vụ 2014/2015 và có thể còn tác động nhiều đến xu thế giá cà phê trong tương lai.

**Hình 5. Biểu đồ tỷ giá USDBRL từ năm 1994**



*Nguồn: Trading Economics, 2015*

Trong phần lớn thời gian của niên vụ 2014/15, đồng USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt cũng góp phần gây sức ép lên tất cả các thị trường hàng hóa, trong đó có cà phê. Đồng USD duy trì tăng giá do nhà đầu tư kỳ vọng lần đầu tiên kể từ năm 2006, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) có thể tăng lãi suất cơ bản vào cuối năm nay. Mới đây tại cuộc họp chính sách tiền tệ vào ngày 18/9/2015, các quan chức Fed đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản không thay đổi ở mức 0,25% và lựa chọn giải pháp trì hoãn tăng lãi suất do lạm phát khá thấp, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu thiếu chắc chắn và khủng hoảng thị trường tài chính gần đây ở các thị trường mới nổi. Các nhà hoạch định chính sách Fed cho thấy rằng họ vẫn chưa cảm thấy tự tin vào khả năng lạm phát tại Mỹ sẽ tăng dần trở lại mức mục tiêu 2% dù thị trường lao động tiếp tục tăng trưởng. Tỷ lệ thất nghiệp tháng 8 giảm xuống 5,1% là mức thấp nhất kể từ tháng 4/2008.

*“Tôi không muốn nói quá nhiều về những diễn biến số liệu kinh tế gần đây, về cơ bản không làm thay đổi triển vọng kinh tế Mỹ,” bà Yellen cho biết. “Nền kinh tế Mỹ đang tăng trưởng tốt và chúng tôi kỳ vọng điều đó sẽ tiếp tục.”*

**Hình 6. Chỉ số USD duy trì sức mạnh gần 100 điểm**



*Nguồn: Barchart, 2015*

### **Giảm phát lan rộng và hầu hết hàng hóa đều giảm giá**

Hầu hết hàng hóa đều giảm giá trong năm 2015 trong bối cảnh đồng USD tăng mạnh, dẫn đầu là sự giảm mạnh của giá dầu và giá kim loại quý, khiến cho nguy cơ giảm phát lan rộng trên toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực đến đà tăng trưởng của kinh tế thế giới, làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và khiến sản xuất trì trệ. Đây là căn nguyên của giá cả suy yếu và là rủi ro khiến giá cả khó hồi phục.

## **Triển vọng giá cà phê trong niên vụ cà phê 2015/16**

*Th.S Huỳnh Nhật Hà - Trần Khải Nam Trung*

***(123 GLOBAL) – Các chuyên gia phân tích của 123chienluoc.com cho rằng giá cà phê trong niên vụ 2015/2016 sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của các yếu tố toàn cầu, đặc biệt là các biến động trên thị trường hối đoái.***

Xu hướng giá cà phê sẽ tiếp tục chịu sự chi phối mạnh mẽ của giá trị đồng USD (liên quan đến các chính sách điều hành tiền tệ của Fed), sự chao đảo của các thị trường mới nổi (mà đặc biệt là Brazil với sự yếu kém của đồng BRL), sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc (liên quan đến nguy cơ đổ vỡ thị trường chứng khoán, sự phá giá đồng Nhân dân tệ) và các trào lưu đầu cơ của các tổ chức, quỹ đầu tư cà phê.

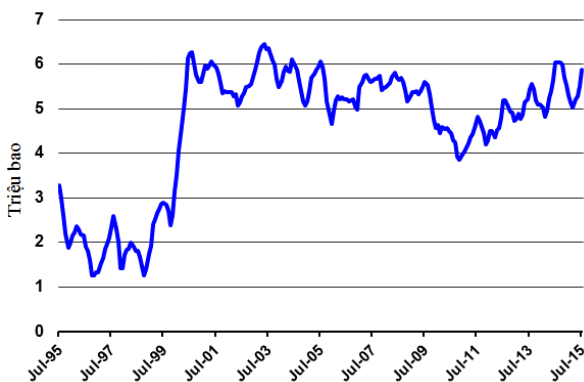
Triển vọng cung cầu dự báo không có nhiều thay đổi so với niên vụ 2014/15 khi tồn kho cà phê cuối vụ 2014/15 ở mức cao chuyển sang niên vụ mới có thể góp phần giải quyết được vấn đề thiếu hụt nguồn cung do ảnh hưởng hạn hán và hiện tượng El Nino gây ra tại các vùng trồng cà phê chính trên toàn cầu. Tồn kho cà phê tại các nước tiêu thụ đang tăng là thông tin đáng chú ý ở phương diện nguồn cung.

Liên đoàn Cà phê Châu Âu (ECF) báo cáo tồn kho cà phê khai báo tại các cảng Antwerp, Bremen, Hamburg, Genova, Le Havre và Trieste tăng 181.667 bao tức tăng 1,55% trong tháng 7, đăng ký dự trữ tồn kho ở mức 11.909.433 bao vào cuối tháng. Dự trữ này không chỉ đáp ứng nhu cầu các thị

trường Tây Âu mà còn cả thị trường Đông Âu với tổng nhu cầu gần 52 triệu bao tương đương 1 triệu bao/tuần. Tuy nhiên dự trữ này không tính đến cả phê tại các kho trung chuyển, tồn kho đang rang xay và dự trữ tư nhân tại các nhà kho không khai báo có thể tăng thêm ít nhất 2 triệu bao và thậm chí có thể lên đến 3 triệu bao. Do đó, nếu tính chung dự trữ cả phê Châu Âu vào cuối tháng 7 sẽ đạt gần 14 – 14,5 triệu bao đảm bảo trên 14 tuần hoạt động rang xay rất an toàn. Tồn kho ECF tăng góp phần gây sức ép lên thị trường cà phê trong 2 tháng qua và có thể tiếp tục gây ảnh hưởng tới giá cà phê trong tương lai gần.

Dữ liệu của Hiệp hội Cà phê Xanh (GCA) của Mỹ, tồn kho cà phê GCA tăng 1,4% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức 6,123 triệu bao, mức cao nhất kể từ tháng 8/2003. Đó là mức tăng tháng thứ 5 liên tiếp với đà tăng tồn kho kéo dài nhất kể từ tháng 7/2014.

**Hình 1. Dự trữ cà phê GCA hàng tháng**

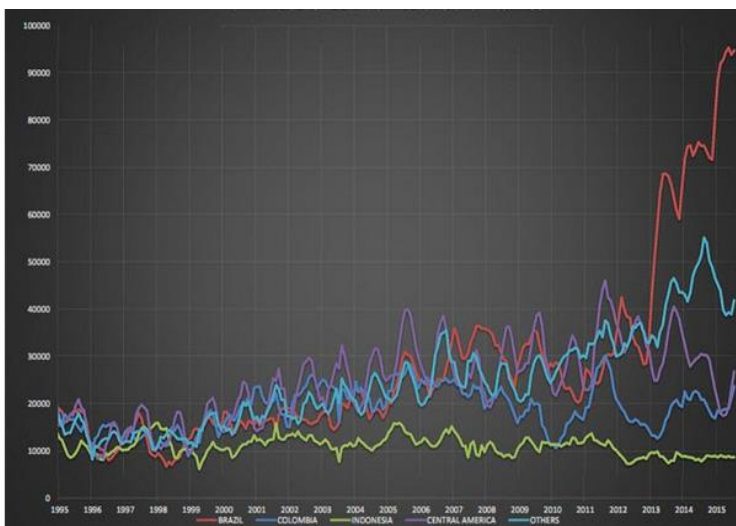


*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

Dự trữ này tất nhiên không tính đến cả phê tại các kho trung chuyển hay tồn kho đang rang xay với sức tiêu thụ hàng tuần khoảng 500.000 bao tính cả Mỹ và Canada sẽ có thêm ít nhất 1 triệu bao. Do đó, nếu tính chung thì tổng dự trữ cả phê khu vực Bắc Mỹ sẽ có ít nhất 7,12 triệu bao vào cuối tháng 8, tương đương hơn 14 tuần hoạt động rang xay khá an toàn.

Tồn kho cà phê tại Nhật Bản tính đến hết tháng 7-2015 tăng lên mức cao kỷ lục, đạt 195.570 tấn, Hiệp hội Cà phê Nhật Bản cho biết trong báo cáo định kỳ mới nhất. Lượng cà phê nhập khẩu từ Brazil, Colombia và Trung Mỹ chiếm phần nhiều, riêng cà phê từ Colombia nhập khẩu vào đất Nhật trong tháng 7-2015 tăng 11,6% chiếm 23.603 tấn.

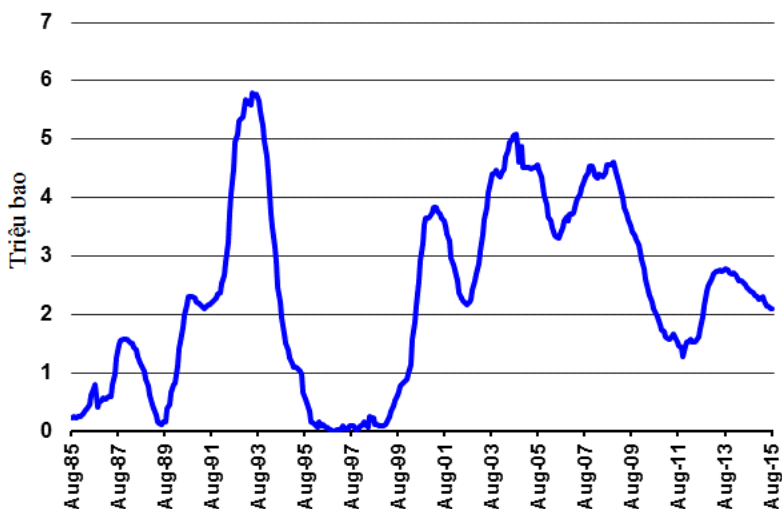
**Hình 2. Tồn kho cà phê tại Nhật Bản**



*Nguồn: SocGen, trích từ số liệu của AJCA*

Dự trữ cà phê robusta chứng nhận đạt chuẩn sàn ICE Futures Europe tăng 114 lô loại 10 tấn lên mức 20.595 lô (tương đương 3,433 triệu bao loại 60 kg) trong hai tuần giao dịch tính đến ngày 14/9/2015. Số liệu này cao hơn 53% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự trữ cà phê arabica chứng nhận đạt chuẩn sàn ICE Futures US hiện nay cũng xấp xỉ 2,0 triệu bao.

**Hình 3. Dự trữ cà phê Arabica chứng nhận đạt chuẩn ICE hàng tháng**



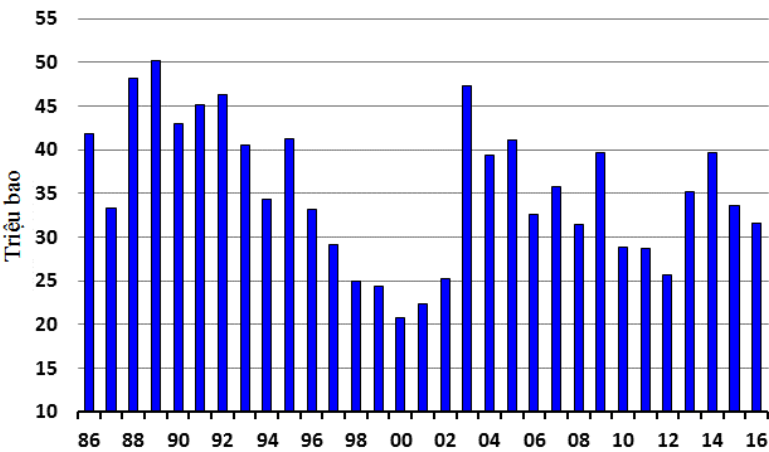
*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

Tồn kho ECF ở Châu Âu tăng cùng với tồn kho GCA ở Bắc Mỹ và tồn kho ICE ở mức cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái khiến cho nguồn cung cà phê toàn cầu hiện nay ở mức đảm bảo, đặc biệt khi có nguồn cà phê vụ mới tại

Brazil và trong vòng 1-2 tháng tới từ Việt Nam và Colombia.

Tồn kho cà phê cuối niên vụ 2014/15 được Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo ước khoảng 33,5 triệu bao, trong đó tồn kho Việt Nam khoảng 2,4 triệu bao, tồn kho Brazil khoảng 5,8 triệu bao và tồn kho EU khoảng 12,0 triệu bao.

**Hình 4. Tồn kho cà phê thế giới cuối vụ qua các năm**



*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

Sức mạnh của đồng USD và đồng real sẽ tiếp tục chi phối xu hướng các thị trường cà phê trong những tháng tới.

Kỳ vọng Fed tăng lãi suất cơ bản vào cuối năm nay có thể giúp đồng USD ổn định và tình hình kinh tế chính trị Brazil ngày càng tồi tệ trong suy thoái sẽ khiến đồng real tiếp tục mất giá dù cho Ngân hàng Trung ương Brazil và Bộ Tài

chính nước này có động thái can thiệp nhằm ngăn chặn đà giảm giá của đồng real.

Ngoài ra yếu tố đầu cơ cũng là một chỉ báo quan trọng tác động đến xu hướng thị trường cà phê mà bất kỳ nhà đầu tư thị trường cà phê nào cũng không thể xem nhẹ. Yếu tố đầu cơ có thể được theo dõi thông qua dữ liệu báo cáo cam kết thương nhân (Commitments of Traders/ COT) do Hội đồng Giao dịch Hàng hóa Tương lai (CFTC) của Mỹ thống kê.

Nhìn về bức tranh thị trường cà phê arabica trong quá khứ kết hợp quan sát dữ liệu báo cáo cam kết thương nhân (COT) trên sàn ICE Futures US, đến một thời điểm nào đó ở thị trường đầu cơ giá xuống, nhà đầu cơ cược giá giảm với tỷ lệ cao nhất thường sẽ cảnh báo thị trường chuẩn bị một giai đoạn đảo chiều tăng giá mạnh, điều đã từng xảy ra vào tháng 11/2013 với mức tăng gần 72% chỉ trong vòng 4 tháng sau đó. Trong một thập kỷ qua, những cơ hội như thế thường dẫn đến đà tăng giá trung bình 25% chỉ trong vòng 4 tháng.

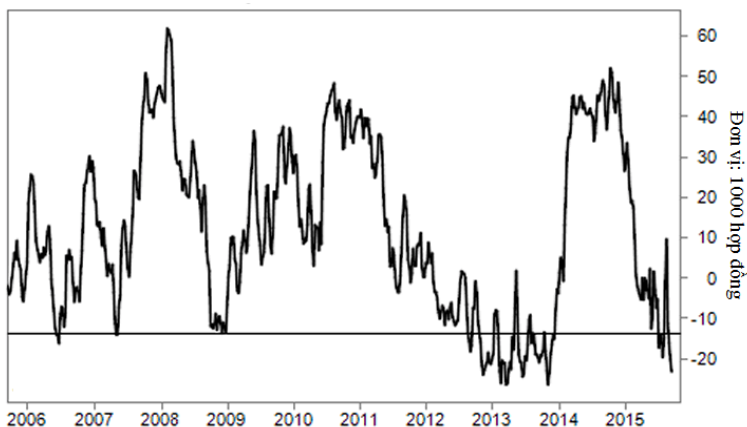
Nhìn chung thị trường cà phê arabica hiện nay chưa xác nhận tín hiệu mua cho dài hạn, dù đã có tín hiệu phục hồi trong ngắn đến trung hạn. Tuy nhiên, một cơ hội tuyệt vời cho xu thế đầu cơ giá lên trong dài hạn sẽ sớm hình thành, căn cứ vào dữ liệu COT.

Giới giao dịch thị trường tương lai hiện đang cược giá cà phê giảm với tỷ lệ thuộc dạng cao nhất từ trước đến nay. Chúng ta có thể quan sát biểu đồ COT để rõ hơn (*Xem chi tiết tại phần Phụ lục*).

COT là báo cáo hàng tuần cho thấy mức cược tiền thực tế của các nhà giao dịch thị trường tương lai. Trong hầu hết thời gian, báo cáo này không cho chúng ta biết nhiều thông tin. Nhưng khi các nhà giao dịch tương lai đều đồng nhất kỳ vọng, có nghĩa là hầu hết nhà giao dịch đều đang bán hoặc hầu hết đều đang mua, thì COT có thể là một chỉ báo định hướng rất quan trọng. Ở trong một thái cực cực đoan thì giá thường chuyển động ngược lại kỳ vọng của đa số.

Hiện tại báo cáo COT cho biết các nhà giao dịch thị trường tương lai đồng nhất quan điểm tiêu cực đối với thị trường cà phê khi họ đang cược giá giảm với mức độ mạnh nhất trong vòng nhiều năm qua. Hãy quan sát biểu đồ COT dưới đây.

**Hình 5. Biểu đồ COT cà phê arabica tương lai**



*Nguồn: Bloomberg, 2015*

Số liệu thấp hơn mức -14.000 là kết quả đánh giá thị trường ở vị thế rất tiêu cực. Hiện nay thị trường cà phê đã rơi vào vị thế như vậy.

Quan sát lịch sử thì thấy rằng, giá cà phê có khuynh hướng phục hồi sau khi báo cáo COT chạm vị thế tiêu cực quá mức và sau đó phục hồi trở lại giá trị 0 và/hoặc cao hơn. Cứ mỗi lần như thế, thị trường cà phê arabica đã thiết lập mức tăng trung bình 25% chỉ trong vòng hơn 4 tháng. Mô hình này đã xảy ra 5 lần trong một thập kỷ qua. Các nhà đầu cơ chuyên nghiệp và có kinh nghiệm theo dõi mô hình này đều là những người chiến thắng. Trong số đó có đà tăng giá lớn nhất là gần 72% trong vòng 4 tháng hồi năm ngoái.

Báo cáo COT cà phê arabica hiện nay đã chạm vùng tiêu cực quá mức. Vì thế chúng ta cần quan sát giá trị COT phục hồi trước khi quyết định cân nhắc đầu cơ giá lên.

### Hình 6. Giá cà phê arabica tương lai đang ở thời điểm giống như tháng 7/2013

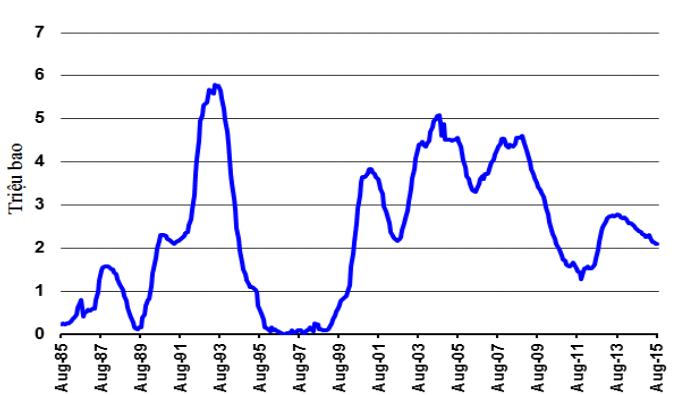


Nguồn: Barchart, 2015

Quan sát kinh nghiệm lịch sử bắt đầu từ tháng 7/2013 đến tháng 11/2013 đã xảy ra 3 lần giá trị COT ở vùng quá tiêu cực phục hồi lên trên giá trị 0 rồi đến lần thứ 4 (quy luật bất quá tam) giá trị COT bứt phá tăng mạnh. Giá trị COT hiện nay đang ở vị thế quá tiêu cực (tương tự tháng 7/2013), do vậy có thể cần trải qua 3 lần như vậy trước khi cân nhắc quyết định đầu cơ giá lên. Đến khi đó khả năng thị trường phục hồi trung bình 25% trong vòng 4 tháng là điều có thể xảy ra.

Chúng ta có 4 tháng để kiên nhẫn chờ đợi cơ hội vàng chỉ xảy ra một lần trong vòng nhiều năm. Hãy chờ đợi và đầu tư cho khoản lợi nhuận ít nhất 25% trong vòng 4 tháng.

**Hình 7. Dự trữ cà phê arabica chứng nhận đạt chuẩn ICE hàng tháng**



*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

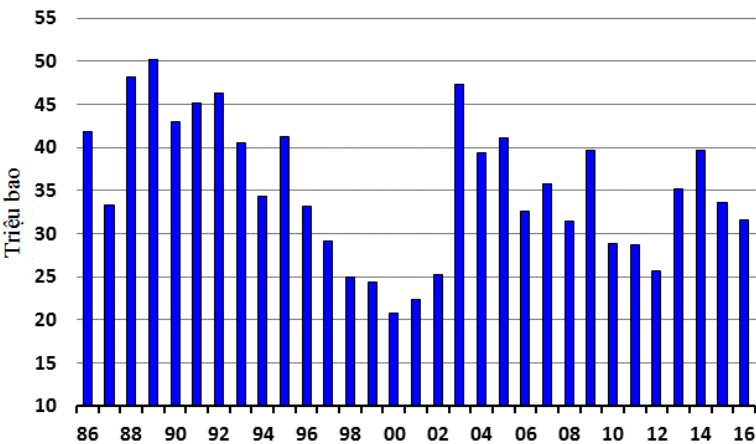
Tuy nhiên, căn cứ vào dữ liệu Báo cáo cam kết thương nhân (COT) chỉ là một trong những tham khảo chính cho nhà đầu

tư trung hạn, dài hạn. Không nên đặt lòng tin quá mức vào dữ liệu này.

Tồn kho ECF ở Châu tăng cùng với tồn kho GCA ở Bắc Mỹ và tồn kho ICE ở mức cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái khiến cho nguồn cung cà phê toàn cầu hiện nay ở mức đảm bảo, đặc biệt khi có nguồn cà phê vụ mới tại Brazil và trong vòng 1-2 tháng tới từ Việt Nam và Colombia.

Tồn kho cà phê cuối niên vụ 2014/15 được Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo ước khoảng 33,5 triệu bao, trong đó tồn kho Việt Nam khoảng 2,4 triệu bao, tồn kho Brazil khoảng 5,8 triệu bao và tồn kho EU khoảng 12,0 triệu bao.

**Hình 8. Tồn kho cà phê thế giới cuối vụ qua các năm**



*Nguồn: The Hightower Report, 2015*

**Tóm lược và cập nhật:**  
***“Tình hình sản xuất, kinh doanh cà phê  
trong nước và hoạt động của Hiệp hội cà  
phê Buôn Ma Thuật”***

*TS. Trịnh Đức Minh và cộng sự*

**Tình hình sản xuất và kinh doanh cà phê ở Việt Nam**

***Sản lượng cà phê***

Có nhiều nguồn số liệu dự báo khác nhau về sản lượng cà phê của Việt Nam niên vụ 2014/15, cụ thể như sau:

Theo Reuters (24/7): 27,2 triệu bao và dự báo niên vụ 2015/16 sẽ tăng lên 18,8 triệu bao;

USDA (19/6): 28,2 triệu bao và dự báo niên vụ 2015/16 sẽ tăng lên 28,6 triệu bao;

ICO (5/2): 27,5 triệu bao;

VICOFA (10/3): 22 triệu bao giảm 20% so với niên vụ 2013/14 và tiếp tục giảm trong niên vụ 2015/16.

Ngay từ đầu năm các công ty mua bán cà phê cũng có nhiều dự báo khác nhau, mức chênh lệch rất lớn từ 24,5 triệu bao đến 29,0 triệu bao.

Theo nhận định của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật mặc dù thời tiết hạn hán có ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng cà phê ở các vùng trồng cà phê trọng điểm nói chung

và ở Đắk Lắk nói riêng nhưng do diện tích trồng cà phê trên cả nước không ngừng tăng qua các năm nên sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2014/15 có thể đạt khoảng 26,5 triệu bao; lượng tồn kho trong dân và các đại lý khoảng 250.000 – 300.000 tấn, các công ty xuất khẩu khoảng 200.000 tấn. Dự báo sản lượng niên vụ 2015/16 vẫn được duy trì khá cao và đạt khoảng 27 triệu bao.

### ***Tình hình xuất khẩu cà phê nhân***

Theo thống kê từ Bộ NN & PTNT và VICOFA, trong 7 tháng đầu năm 2015, sản lượng cà phê xuất khẩu cả nước chỉ đạt 799.500 tấn với kim ngạch 1,65 tỉ USD, đạt 67% về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

Giá FOB xuất khẩu hạng cà phê 5% đen, vỡ trong 7 tháng đầu năm dao động trong khoảng 1.687 – 1.980 USD/tấn, tăng 2,12% so với cùng kỳ năm 2014.

Đức và Hoa kỳ tiếp tục là 2 thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2015, chiếm thị phần lần lượt là 16,03% và 11,88%.

### **Tình hình sản xuất và kinh doanh cà phê ở Đắk Lắk**

#### ***Tình hình sản xuất và tái canh cà phê***

Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến tháng 12/2014 tổng diện tích cà phê trên toàn tỉnh là 203.746 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm là 192.471 ha với sản lượng 444.121 tấn, năng suất bình quân 23,07 tạ /ha. Trong các năm qua mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh Đắk Lắk

trong việc thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về sản xuất cà phê bền vững, khuyến cáo các cấp các ngành không mở rộng thêm diện tích cà phê mà tập trung vào cải tạo vườn cây, đầu tư thâm canh nhằm tăng năng suất và chất lượng cà phê nhưng diện tích cà phê của tỉnh liên tục tăng qua các năm, phá vỡ quy hoạch, ảnh hưởng đến tính bền vững trong sản xuất cà phê. Trước đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 về việc phê duyệt dự án quy hoạch phát triển cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 trong đó xác định diện tích cà phê ổn định đến năm 2020 là 170.000 ha.

Mặc dù được tập trung nhiều nguồn lực nhưng tiến độ tái canh các năm qua diễn ra chậm so dự kiến (đến 2015 cần tái canh khoảng 25-30 ngàn ha).

Kết quả diện tích tái canh hàng năm đạt 11.233 ha, dưới 50% so kế hoạch.

### **Bảng: Kết quả diện tích tái canh hàng năm**

| <b>Năm</b>                     | 2011  | 2012  | 2013  | 2014  |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Diện tích tái canh (ha)</b> | 1.829 | 2.644 | 3.643 | 3.118 |

*Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Lắk, 2015*

Kết quả triển khai vốn vay thực hiện chương trình tái canh còn chậm. Theo báo cáo của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Đắk Lắk, đến nay đã ký kết hợp đồng tín dụng 195 tỷ đồng nhưng tổng số dư nợ đến

27/4/2015 mới đạt 88,345 tỉ đồng, tổng số khách hàng là 335 trong đó có 04 khách hàng là doanh nghiệp và 331 khách hàng là hộ gia đình với tổng diện tích tái canh là 736 ha (trong đó doanh nghiệp là 237 ha và hộ gia đình là 499 ha). Phần lớn diện tích vay tái canh tập trung ở các vùng cà phê lớn như Cư M'gar, Krông Pắc, Cư Kuin.

Tiến độ cho vay vốn để các doanh nghiệp và nông hộ tái canh cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng còn chậm. Một số nguyên nhân của tình hình này là các chi nhánh của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa nắm được cụ thể vùng có quy hoạch tái canh cà phê và danh sách hộ trong vùng quy hoạch tái canh có nhu cầu vay vốn. Việc tái canh cà phê cần vốn đầu tư lớn khoảng 165 – 230 triệu/ha nhưng tài sản thế chấp của nông hộ như (nhà cửa, vườn cà phê) chưa được cấp quyền sở hữu hoặc đã được cấp nhưng đã được thế chấp tại ngân hàng khác. Người dân không đồng tình với thời hạn giải ngân vốn tái canh trong 3 năm sau khi đáp ứng được các điều kiện vay vốn tái canh. Thủ tục vay vốn tái canh còn phức tạp và lãi suất vay còn cao so với lãi suất của các ngân hàng thương mại. Ngoài ra các hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa không có khả năng tài chính, không đủ điều kiện để vay vốn và ngại mất nguồn thu thập từ 5 – 6 năm. Do vậy người dân buộc phải “gắn bó” với vườn cà phê già cỗi chưa muốn phá bỏ để tái canh.

Một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến tính bền vững của sản xuất cà phê là diễn biến bất thường của khí hậu, thời tiết, nhất là tình hình khô hạn ngày càng xảy ra khốc liệt, làm sụt giảm nghiêm trọng mực nước ngầm cũng như lượng nước trong

hệ thống hồ đập cung cấp nước tưới. Các khuyến cáo đưa ra cần phải được người sản xuất tiếp thu thực hiện như: không trồng cà phê hoặc chuyển đổi sang cây trồng thích hợp hơn ở vùng thường xuyên thiếu nước mùa khô, tích cực sử dụng cây che bóng, cây ăn quả trong vườn cà phê, áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước kết hợp bón phân hợp lý qua nước tưới, tăng cường sử dụng các dạng phân hữu cơ, sử dụng giống cà phê chín muộn... Mặt khác, nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu chế tạo và thương mại hóa các thiết bị phục vụ sản xuất cà phê, nhất là thiết bị tưới tiết kiệm và chế biến sau thu hoạch.

### ***Tình hình kinh doanh***

Theo báo cáo 6 tháng đầu năm 2015 của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk, chế biến cà phê nhân xuất khẩu ước thực hiện 180.000 tấn, đạt 51,43% kế hoạch năm; chế biến cà phê bột, cà phê hòa tan ước thực hiện đạt 9.275 tấn, trong đó lượng cà phê hòa tan đạt 2.300 tấn và xuất khẩu 1.654 tấn.

Trong thời gian qua do lượng thông tin trái chiều về sản lượng của các nước xuất khẩu cà phê và một số yếu tố ảnh hưởng giá làm cho nông dân và doanh nghiệp lúng túng trong quyết định bán vào thời điểm thích hợp. Tình hình kinh doanh không khởi sắc do có xu hướng găm hàng chờ giá cao. Vì vậy, cần có một hệ thống thông tin, dự báo đáng tin cậy hơn giúp người sản xuất và doanh nghiệp quyết định bán hàng và kinh doanh hiệu quả hơn.

Qua tình hình diễn biến giá niên vụ 2014/2015, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột khuyến cáo không nên chạy theo xu

hướng giảm hàng chờ giá cao ngay từ đầu vụ khi các thông tin, dự báo chưa đủ độ tin cậy cao.

### **Hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột**

Thực hiện Nghị quyết Ban chấp hành lần thứ I nhiệm kỳ (2014 – 2018), Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột và Chương trình hoạt động của Hiệp hội năm 2015, được sự chỉ đạo của Ban chấp hành (BCH), các Ban của Hiệp hội, Văn phòng và toàn thể hội viên tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác và đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

#### ***Ổn định tổ chức và phát triển hội viên***

##### ***Ổn định tổ chức***

Ban chấp hành Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột nhiệm kỳ (2014 – 2018) gồm có 20 ủy viên. Sau đại hội, Ban chấp hành họp lần thứ nhất nhằm bầu ra các Ban gồm: Ban kiểm tra (gồm có 1 trưởng ban và 4 thành viên); Ban thị trường và xúc tiến thương mại (gồm có 1 trưởng ban và 4 thành viên); Ban sản xuất (gồm có 1 trưởng ban và 4 thành viên). Ngoài ra, Ban chấp hành Hiệp hội đã thống nhất thành lập ban vận động thành lập chi hội những nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột (gồm có 1 trưởng ban, 1 phó ban và 5 thành viên).

Ban chấp hành đã thảo luận đi đến thống nhất và Chủ tịch Hiệp hội đã ký ban hành 06 bản quy chế gồm: Quy chế hoạt động Ban chấp hành; Quy chế hoạt động Ban kiểm tra; Quy chế hoạt động của Ban thị trường và xúc tiến thương mại; Quy chế hoạt động của Ban sản xuất; Quy chế hoạt động của Văn phòng và Quy chế chi tiêu nội bộ của Hiệp hội.

### *Phát triển hội viên*

Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột thường xuyên vận động các tổ chức cá nhân sản xuất và kinh doanh cà phê trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tham gia Hiệp hội. Phần lớn các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh cà phê nhân trên địa bàn tỉnh đã trở thành hội viên của Hiệp hội. Nhiệm vụ trọng tâm của Hiệp hội trong năm 2015 là thành lập chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột cho nên công tác phát triển hội viên tập trung vào các cá nhân, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh cà phê bột, cà phê hòa tan trên địa bàn tỉnh.

Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2015 đã phát triển thêm 05 hội viên mới (trong đó 01 hội viên liên kết, 02 hội viên cá nhân và 02 hội viên tập thể), nâng tổng số hội viên của Hiệp hội lên **138** hội viên, (*gồm 130 hội viên chính thức - 71 hội viên cá nhân và 59 hội viên tập thể - và 8 hội viên liên kết*).

### *Thành lập chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột*

Được sự thống nhất cao của các thành viên Ban chấp hành trong việc thành lập chi hội những nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột, Chủ tịch Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột đã ban hành quyết định số 13 /QĐ-HHCPMBT ngày 02 tháng 4 năm 2015 về việc công nhận Ban vận động thành lập Chi hội những nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột.

Ngày 24/9/2015 Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức Đại hội Chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ I, nhiệm kỳ (2015–2020) tại khu du lịch Cộng đồng Kotam. Tại Đại hội các thành viên thảo luận quy chế hoạt động và phương hướng của chi hội, bầu vào Ban chấp hành Chi hội

gồm 07 thành viên, ông Nguyễn Xuân Lợi – Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư & Phát triển An Thái được bầu làm Chi hội trưởng và Đại hội cũng đã thống nhất và thông qua Phương hướng hoạt động Chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột nhiệm kỳ I (2015 – 2020).

***Tổ chức sản xuất, kinh doanh cà phê bền vững có chứng nhận và cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột***

Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột thường xuyên phối hợp với các hội viên của Hiệp hội để duy trì việc sản xuất và kinh doanh các loại cà phê bền vững có chứng nhận nói chung và cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.

***Cà phê bền vững có chứng nhận***

Theo báo cáo của tổ chức chứng nhận Utz, tính đến hết 30/6/2015 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có 23 đơn vị tham gia đánh giá chứng nhận Utz với tổng số 20.056 nông hộ với diện tích 25.896,52 ha và sản lượng 88.474,04 tấn. Trong 10 đơn vị được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột thì 8 đơn vị tham gia đánh giá cấp chứng nhận Utz với tổng diện tích là 9.194,83 ha với sản lượng được chứng nhận Utz là 27.973 tấn.

Theo báo cáo của tổ chức 4C, tính đến tháng 6/2015 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk diện tích được xác nhận 4C là 70.800 ha sản lượng 256.000 tấn. Diện tích cà phê 4C từ đầu năm đến nay tăng chậm do hầu hết diện tích trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã triển khai xác nhận 4C. Trong 10 đơn vị được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột thì có

2 đơn vị tham gia sản xuất cà phê có chứng nhận 4C với tổng diện tích 18.279,8 ha, sản lượng 62.432,69 tấn.

Ngoài ra theo thống kê của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột trong 10 đơn vị được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột, thì có 3 đơn vị sản xuất cà phê có chứng nhận RFA với tổng diện tích là 4.458,6 ha, sản lượng đăng ký là 16.487,63 tấn; cà phê chứng nhận FLO có diện tích 998 ha; sản lượng đăng ký 3.874 tấn.

Theo phản ánh của các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, trong niên vụ cà phê 2014/2015 chỉ thương mại được khoảng 10 – 15% sản lượng có chứng nhận với giá cộng thêm không đáng kể. Đây là một kết quả đã được cảnh báo trên các diễn đàn của Hiệp hội. Vì vậy, các doanh nghiệp cần cân nhắc thận trọng trong chiến lược sản xuất, kinh doanh cà phê bền vững có chứng nhận. Mặt khác, cần chú ý sản xuất cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản theo nhu cầu của các nhà rang xay.

### *Cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột*

Thực hiện chức năng quản lý nội bộ và phát triển Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị đã được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột thông qua hệ thống quản lý nội bộ; thường xuyên động viên, khuyến khích các đơn vị tìm cách thương mại sản phẩm cà phê có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.

Trong 10 đơn vị được cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột chỉ duy nhất có Công ty TNHH MTV

XNK 2/9 Đắc Lắc thương mại được khoảng **10.429 tấn** sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột cụ thể như sau: Năm 2012 xuất khẩu 612 tấn; năm 2013 xuất khẩu 3.950 tấn; năm 2014 xuất khẩu 5.858 tấn; năm 2015 chưa có đơn hàng xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ yếu ở các thị trường mới nổi như: Nhật Bản, Ukraina, Bosnia, Rumany, Bỉ, Đài Loan, Hồng Kông, Nga... Việc khó khăn trong xuất khẩu cà phê nhân có Chỉ dẫn địa lý cần phải được sớm tháo gỡ. Một trong những giải pháp được các hội viên Hiệp hội đồng tình là thành lập chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột để khai thác giá trị thương hiệu ở thị trường trong nước, về lâu dài có thể vươn ra ngoài nước theo kênh tiêu thụ cà phê rang xay và cà phê hòa tan.

***Thực hiện đề tài xây dựng mô hình liên kết nông dân – doanh nghiệp để sản xuất và kinh doanh cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột***

Triển khai thực hiện đề tài từ tháng 6/2013, nhóm thực hiện đề tài đã phối hợp với các đơn vị triển khai mô hình sản xuất cà phê có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột với các hoạt động: tập huấn về quy trình sản xuất và hệ thống kiểm soát nội bộ cho hơn 2.400 nông hộ ở 3 đơn vị triển khai mô hình, thường xuyên kiểm tra giám sát các mô hình.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 nhóm thực hiện phối hợp với các đơn vị triển khai mô hình sản xuất và kinh doanh cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đánh giá nội bộ ở doanh nghiệp trước khi đoàn thanh tra chứng nhận độc lập đáng giá chứng nhận. Kết quả đánh giá chứng nhận sẽ trình lên Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Đắc Lắc để cấp giấy chứng

nhận chất lượng cà phê nhân có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột.

*Quảng bá sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột*

Thực hiện quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt đề án tổ chức Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ V – năm 2015, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột đã phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương) thực hiện gian hàng chung nhằm quảng bá sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột. Tại lễ hội lần này đã tiếp đón hàng vạn lượt khách tham quan trong và ngoài nước, đặc biệt có sự tham quan của đại sứ của các nước Brunei, Hungary,...

Góp phần cho việc quảng bá sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột nói chung và sản phẩm cà phê của từng đơn vị nói riêng, hội viên của Hiệp hội đã tích cực tham gia tại lễ hội như Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH ĐakMan Việt Nam, Công ty TNHH MTV cà phê Phước An, Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi, Công ty TNHH MTV cà phê 15, Tập đoàn Intimex chi nhánh Đắk Lắk, Công ty TNHH An Thái,...

***Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee”***

Sau khi nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu “Buôn Ma Thuột Coffee” tại 17 quốc gia và vùng lãnh thổ, đến nay đã có 10/17 quốc gia và vùng lãnh thổ đồng ý bảo hộ nhãn hiệu “Buôn Ma Thuột Coffee” cụ thể: Vùng lãnh thổ Benelux (Bỉ, Hà Lan, Luxembua), Tây Ban Nha, Đức, Pháp, Ý,

Singapore, Trung Quốc và Thái Lan; 02 quốc gia đang tiếp tục theo đuổi đơn là Canada và Nga và 05 quốc gia không tiếp tục theo đuổi đơn phản đối từ chối đăng ký bảo hộ là Mỹ, Nhật Bản, Vương Quốc Anh, Hàn Quốc và Thụy Sĩ.

Hiệp hội đang tìm kiếm sự hỗ trợ để hoàn thiện hồ sơ đăng ký CDĐL cà phê Buôn Ma Thuật tại EU.

### ***Thông tin và tuyên truyền***

Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật thường xuyên phối hợp với hội viên liên kết - Công ty cổ phần Nhịp Điệu Toàn Cầu 123 - tổ chức các buổi hội thảo/tọa đàm hàng tháng với chủ đề chung là “Kinh doanh cà phê hiệu quả”. Mỗi tháng chọn từng chuyên đề phù hợp với kế hoạch hoạt động của Hiệp hội. Một nội dung thường kỳ của hội thảo/tọa đàm là phổ biến thông tin thị trường và dự báo giá, qua đó nâng cao hiểu biết những yếu tố tác động thị trường và dự báo giá dựa trên một số công cụ phân tích kỹ thuật.

Qua 05 lần hội thảo/tọa đàm (tháng 4, 5, 6, 7 và 8) đã nhận được sự tham gia tích cực của các hội viên của Hiệp hội và các đơn vị rang xay trên địa bàn tỉnh. Qua diễn đàn này các thành viên tham gia đã chia sẻ nhiều kiến thức bổ ích nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh cà phê. Hội thảo/tọa đàm tháng 9 ấn định tổ chức vào ngày 30/9/2015.

Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật cũng đã phối hợp với Công ty cổ phần Nhịp Điệu Toàn Cầu 123 biên soạn, in ấn nội san hàng tháng với các chủ đề khác nhau để phát cho các hội viên cũng như đại biểu tham gia các buổi tọa đàm. Nội san hàng tháng hội viên có thể tìm đọc trên trang web của Hiệp

hội tại địa chỉ [www.bmtca.vn](http://www.bmtca.vn). Tương lai nội san này sẽ trở thành một ấn phẩm có giấy phép xuất bản phục vụ cho toàn ngành cà phê.

Ngoài ra, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột duy trì thường xuyên trang web cập nhật các hoạt động của Hiệp hội và các sự kiện, tin tức liên quan cà phê trong nước và quốc tế.

### ***Các hoạt động khác***

Thường xuyên tiếp các đoàn khách và báo đài đến tìm hiểu thông tin về Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột nói riêng và tình hình sản xuất và kinh doanh cà phê trên địa bàn tỉnh nói chung.

***Bài viết nêu trên được biên soạn lại dựa trên “Báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2015 của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột”, có bổ sung, cập nhật một số thông tin đến cuối tháng 9/2015 và cắt lọc một số phần trong Toàn văn của báo cáo.***

***Bạn đọc có thể tham khảo Báo cáo đầy đủ tại:***

***<http://bmtca.vn>***

# **Báo cáo của Vicofa:**

## **Tình hình thị trường cà phê thế giới và trong nước**

*Th.S Lương Văn Tự và cộng sự*

### **Tình hình thị trường cà phê thế giới 9 tháng đầu niên vụ 2014/15**

#### ***Tình hình sản xuất***

Trong báo cáo tháng 7 năm 2015 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) điều chỉnh giảm dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2014/15 của toàn thế giới xuống còn 141,73 triệu bao, giảm 3,5% so với vụ trước. Trong đó, Brazil giảm 7,8% xuống 45,34 triệu bao, Indonesia giảm 19,9% xuống 9,35 triệu bao, còn Việt Nam vẫn giữ nguyên sản lượng 27,5 triệu bao và Colombia tăng 3,1% lên 12,5 triệu bao (bảng 1).

#### **Bảng 1. Tình hình sản lượng cà phê trên thế giới**

*ĐVT: Ngàn bao 60 kg*

| <b>Mùa vụ</b> | <b>2013/14</b> | <b>2014/15*</b> | <b>% thay đổi<br/>2013/14 – 2012/13</b> |
|---------------|----------------|-----------------|-----------------------------------------|
| Arabica       | 87.040         | 84.167          | -3,3%                                   |
| Robusta       | 59.761         | 57.565          | -3,7%                                   |
| 1. Brazil     | 49.152         | 45.342          | -7,8%                                   |
| 2. Việt Nam   | 27.500         | 27.500          | 0,0%                                    |
| 3. Colombia   | 12.124         | 12.500          | 3,1%                                    |

| Mùa vụ           | 2013/14        | 2014/15*       | % thay đổi<br>2013/14 – 2012/13 |
|------------------|----------------|----------------|---------------------------------|
| 4. Indonesia     | 11.667         | 9.350          | -19,9%                          |
| 5. Ethiopia      | 6.527          | 6.625          | 1,5%                            |
| 6. Ấn Độ         | 5.075          | 5.517          | 8,7%                            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>146.801</b> | <b>141.732</b> | <b>-3,5%</b>                    |

\* Dự kiến

*Nguồn: ICO, 2015*

Tuy nhiên theo khảo sát thực tế sản lượng cà phê của Việt Nam vụ này giảm 20% so với vụ trước. Nguyên nhân giảm là do thời tiết thay đổi, mưa đến sớm khi thu hoạch và thời kỳ cà phê phát triển gặp hạn hán, nhiều vùng không đủ nước tưới bị mất trắng và những quả còn lại nhân nhỏ ảnh hưởng tới sản lượng. Thứ hai là ngày công lao động và giá phân bón lên cao, người trồng cà phê giảm lượng phân chăm bón. Thứ ba là lượng cà phê già ngày một tăng, năng suất thấp.

### ***Tình hình xuất khẩu***

Cũng theo ICO, tổng lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu niên vụ 2014/15 của toàn thế giới đạt 82,15 triệu bao, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Brazil xuất tăng 3,2% lên 27,37 triệu bao, Colombia xuất tăng 8,2% lên 8,92 triệu bao, Indonesia xuất giảm 25,6% xuống 4 triệu bao còn Việt Nam xuất giảm 16,8% xuống 15,3 triệu bao (xuất theo chứng chỉ xuất xứ). (Bảng 2)

## **Bảng 2. Tình hình xuất khẩu cà phê trên thế giới**

*ĐVT: Ngàn bao 60kg*

| <b>Mùa vụ</b>    | <b>T10-T6<br/>2013/14</b> | <b>T10-T6<br/>2014/15</b> | <b>% thay<br/>đổi</b> |
|------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Arabica          | 52.701                    | 51.064                    | -3,1%                 |
| Robusta          | 33.150                    | 31.084                    | -6,2%                 |
| 1. Brazil        | 26.516                    | 27.372                    | 3,2%                  |
| 2. Việt Nam      | 18.381                    | 15.300                    | -16,8%                |
| 3. Colombia      | 8.237                     | 8.916                     | 8,2%                  |
| 4. Indonesia     | 5.379                     | 4.000                     | -25,6%                |
| 5. Ethiopia      | 2.213                     | 1.978                     | -10,6%                |
| 6. Ấn Độ         | 4.025                     | 3.921                     | -2,6%                 |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>85.850</b>             | <b>82.148</b>             | <b>-4,3%</b>          |

*Nguồn: ICO, 2015*

### ***Tình hình giá cả***

Giá cà phê trên thế giới vẫn đang nằm trong vực thấp đáng báo động. Nếu như ngay đầu vụ giá định hướng ICO đạt trung bình 172,88 cent/lb thì đến tháng 7/2015 chỉ còn 119,77 cent/lb, giảm 30,7% so với đầu vụ. Tương tự với Robusta trên sàn London, giá cũng đi xuống từ 95,51 cent/lb chỉ còn 77,16 cent/lb, giảm 19,2% và Arabica trên sàn New York từ 210,12 cent/lb chỉ còn 128,59 cent/lb, giảm 38,8%.

Mức chênh cao nhất giữa Arabica trên sàn New York và Robusta trên sàn London với 114,61 cent/lb, sau đó giảm dần đến tháng 3 chỉ còn 56,76 cent/lb, sang tháng 4 khoảng cách này đã giãn ra 59,08 cent/lb nhưng rồi lại tiếp tục giảm còn 51,43 cent/lb. (Bảng 3)

**Bảng 3. Bảng giá cà phê niên vụ 2014/15**

*DVT: US cent/lb*

| <b>Tháng</b> | <b>Giá ICO</b> | <b>Giá Robusta (London) *</b> | <b>Giá Arabica (New York) *</b> | <b>Chênh lệch Arabica/Robusta</b> |
|--------------|----------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| 10/2014      | 172,88         | 95,51                         | 210,12                          | 114,61                            |
| 11/2014      | 162,17         | 93,60                         | 192,33                          | 98,73                             |
| 12/2014      | 150,66         | 89,86                         | 177,82                          | 87,96                             |
| 1/2015       | 148,24         | 89,33                         | 173,19                          | 83,86                             |
| 2/2015       | 141,10         | 89,76                         | 159,55                          | 69,79                             |
| 3/2015       | 127,04         | 82,94                         | 139,70                          | 56,76                             |
| 4/2015       | 129,02         | 82,71                         | 141,79                          | 59,08                             |
| 5/2015       | 123,49         | 78,03                         | 135,22                          | 57,19                             |
| 6/2015       | 124,97         | 80,25                         | 135,86                          | 55,61                             |
| 7/2015       | 119,77         | 77,16                         | 128,59                          | 51,43                             |

\*Trung bình giá thời điểm 2 và 3

*Nguồn: ICO, 2015*

### **Tiêu thụ cà phê thế giới**

Theo ICO, tiêu thụ cà phê trên thế giới trung bình từ năm 2011 – 2014 đã tăng 2,3%, chủ yếu tập trung ở các nước xuất khẩu (2,5%) và đặc biệt là thị trường mới nổi (4,9%).

Tỷ lệ tiêu thụ của các thị trường truyền thống cũng tăng nhưng thấp hơn khá nhiều so với thị trường mới nổi với mức tăng 1,5%. (Bảng 4)

#### **Bảng 4. Tình hình tiêu thụ cà phê trên thế giới**

*ĐVT: ngàn bao 60 kg*

| <b>Năm</b>                  | <b>2011</b>    | <b>2012</b>    | <b>2013</b>    | <b>2014</b>    | <b>Tỷ lệ tăng<br/>trưởng<br/>2014-2011<br/>(%)</b> |
|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------------------------------------------|
| Các nước xuất khẩu          | 42.788         | 44.196         | 44.951         | 46.144         | 2,5%                                               |
| Các thị trường truyền thống | 77.561         | 78.417         | 80.880         | 81.091         | 1,5%                                               |
| Các thị trường mới nổi      | 19.015         | 20.485         | 21.664         | 21.927         | 4,9%                                               |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>139.364</b> | <b>143.099</b> | <b>147.495</b> | <b>149.162</b> | <b>2,3%</b>                                        |

*Nguồn: ICO, 2015*

#### **Tồn kho cà phê thế giới**

Theo ICO, lượng cà phê Robusta trên sàn London vụ 2014/15 liên tục tăng từ đầu niên vụ đến nay, từ 2,02 triệu bao hồi đầu vụ đến cuối tháng 7 đã tăng lên 3,35 triệu bao.

Trong khi đó, lượng cà phê Arabica tồn kho trên sàn New York lại giảm dần theo từng tháng từ 2,67 triệu bao hồi đầu vụ xuống chỉ còn 2,38 triệu bao cuối tháng 7.

Mức chênh lệch cả phê tồn kho trên sàn New York so với sàn London đã giảm nhanh chóng từ mức +0,65 triệu bao đến tháng 7 đã là con số -0,97 triệu bao. (Bảng 5)

**Bảng 5. Lượng tồn kho trên sàn London và New York từ niên vụ 2013/14 đến nay**

*ĐVT: triệu bao*

| <b>Tháng</b> | <b>Sàn London</b> | <b>Sàn New York</b> | <b>Chênh lệch New York/London</b> |
|--------------|-------------------|---------------------|-----------------------------------|
| 10/2014      | 2,02              | 2,67                | 0,65                              |
| 11/2014      | 2,08              | 2,63                | 0,55                              |
| 12/2014      | 2,12              | 2,60                | 0,48                              |
| 1/2015       | 2,35              | 2,55                | 0,20                              |
| 2/2015       | 2,55              | 2,56                | 0,01                              |
| 3/2015       | 2,84              | 2,60                | -0,16                             |
| 4/2015       | 2,93              | 2,56                | -0,37                             |
| 5/2015       | 3,02              | 2,41                | -0,61                             |
| 6/2015       | 3,12              | 2,43                | -0,69                             |
| 7/2015       | 3,35              | 2,38                | -0,97                             |

*Nguồn: ICO, 2015*

## **Tình hình thị trường Việt Nam**

### ***Tình hình sản xuất***

Tại Việt Nam, niên vụ cà phê 2014/15 đã thu hoạch xong, sản lượng giảm trên 20% so với niên vụ trước. Nguyên nhân giảm do thời tiết thay đổi, hạn hán nghiêm trọng trong thời kỳ cà phê phát triển, mưa đến sớm khi thu hoạch.

Việt Nam cũng đã có chương trình tái canh cho các vườn cà phê già cỗi trên 20 năm tuổi. Tuy nhiên vì nhiều lý do khiến quá trình tái canh diễn ra khá chậm khiến diện tích cà phê năng suất xuống thấp càng tăng.

Theo khảo sát lượng tồn kho trong doanh nghiệp và trong dân không còn nhiều như các nguồn thông tin nước ngoài đã đưa, chỉ còn khoảng 300.000 tấn.

### ***Tình hình xuất khẩu***

#### *Về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu*

Theo số liệu của Tổng Cục Hải Quan, dự kiến 7 tháng đầu năm 2015 lượng xuất khẩu chỉ đạt 786.493 tấn với kim ngạch 1.620.601.389 USD, giảm 34,3% về lượng và giảm 34,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. 15 ngày đầu tháng 8/2015, xuất khẩu chỉ đạt 45.518 tấn, xuất khẩu 7 tháng rưỡi đầu năm 2015 đạt 830.006 tấn, giảm 29,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tổng lượng xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu niên vụ 2014/15 đạt 1,07 triệu tấn với kim ngạch 2,26 tỷ USD, giảm 23,8% về lượng và 20,5% về kim ngạch so với cùng kỳ niên vụ trước. (Bảng 6)

Nếu như tháng 10 lượng cà phê xuất khẩu cao hơn vụ trước 58% do được giá thì tháng 3 lượng xuất khẩu đã giảm mạnh đến 52,4% do sản lượng thấp mà giá lại xuống 52,5%.

Trước tình hình giá cà phê xuống thấp như hiện nay và sản lượng thấp, khả năng xuất khẩu trong 2 tháng còn lại của niên vụ chỉ đạt trên 200 ngàn tấn.

**Bảng 6. Khối lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam vụ 2014/15 và 2013/14**

| Tháng                  | Vụ 2014/15       |                       |                   | Vụ 2013/14       |                       |                   | So sánh (%)   |               |              |
|------------------------|------------------|-----------------------|-------------------|------------------|-----------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|
|                        | Khối lượng (tấn) | Kim ngạch (nghìn USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Khối lượng (tấn) | Kim ngạch (nghìn USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Khối lượng    | Kim ngạch     | Đơn giá      |
| T10                    | 95.814           | 211.856               | 2.211             | 60.735           | 122.417               | 2.016             | 57,76         | 73,06         | 9,70         |
| T11                    | 84.059           | 192.040               | 2.285             | 79.158           | 141.401               | 1.786             | 6,19          | 35,81         | 27,89        |
| T12                    | 115.450          | 255.161               | 2.210             | 134.501          | 253.090               | 1.882             | -14,16        | 0,82          | 17,45        |
| <b>Quý IV</b>          | <b>295.323</b>   | <b>659.057</b>        | <b>2.232</b>      | <b>274.394</b>   | <b>516.908</b>        | <b>1.884</b>      | <b>7,63</b>   | <b>27,50</b>  | <b>18,46</b> |
| T1                     | 132.403          | 281.335               | 2.125             | 140.191          | 264.207               | 1.885             | -5,56         | 6,48          | 12,75        |
| T2                     | 92.243           | 195.409               | 2.118             | 182.805          | 347.228               | 1.899             | -49,54        | -43,72        | 11,53        |
| T3                     | 130.494          | 266.119               | 2.039             | 274.161          | 559.501               | 2.041             | -52,40        | -52,44        | -0,07        |
| <b>Quý I</b>           | <b>355.140</b>   | <b>742.863</b>        | <b>2.092</b>      | <b>597.157</b>   | <b>1.170.936</b>      | <b>1.961</b>      | <b>-40,53</b> | <b>-36,56</b> | <b>6,68</b>  |
| T4                     | 104.422          | 214.775               | 2.057             | 201.515          | 426.801               | 2.118             | -48,18        | -49,68        | -2,89        |
| T5                     | 105.500          | 216.664               | 2.054             | 137.527          | 298.569               | 2.171             | -23,29        | -27,43        | -5,40        |
| T6                     | 104.230          | 212.247               | 2.036             | 107.266          | 236.436               | 2.204             | -2,83         | -10,23        | -7,62        |
| <b>Quý II</b>          | <b>314.152</b>   | <b>643.686</b>        | <b>2.049</b>      | <b>446.308</b>   | <b>961.806</b>        | <b>2.155</b>      | <b>-29,61</b> | <b>-33,08</b> | <b>-4,92</b> |
| T7                     | 107.140          | 217.900               | 2.034             | 88.641           | 195.901               | 2.210             | 20,87         | 11,23         | -7,98        |
| <b>10 tháng đầu vụ</b> | <b>1.071.755</b> | <b>2.263.506</b>      | <b>2.112</b>      | <b>1.406.500</b> | <b>2.845.551</b>      | <b>2.023</b>      | <b>-23,80</b> | <b>-20,45</b> | <b>4,39</b>  |

*Nguồn: TCHQ, 2015*

### *Về thị trường*

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan Việt Nam, trong 10 tháng đầu niên vụ 2014/15, Đức và Hoa Kỳ vẫn là 2 thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam lần lượt 180.165 tấn và 121.758 tấn, chiếm thị phần lần lượt là 16,8% và 11,4%; tiếp theo là Tây Ban Nha, Italia, Nhật Bản với thị phần lần lượt là 8,8%, 8,6% và 6,1%. Bỉ đứng thứ 6 với 4,7%. An-giê-ri và Nga đều chiếm 3,4% và 3,3%. Pháp và Anh là 2 thị trường truyền thống của Việt Nam với thị phần 2,8% và 2,7%. (Bảng 7)

**Bảng 7. 20 thị trường lớn nhất của cà phê Việt Nam trong 10 tháng đầu vụ 2014/15**

| STT | Tên nước    | Lượng (tấn) | Kim ngạch (nghìn USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Thị phần theo lượng (%) | Thị phần theo kim ngạch (%) |
|-----|-------------|-------------|-----------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1   | Đức         | 180.165     | 353.015               | 1.959             | 16,81                   | 15,60                       |
| 2   | Hoa Kỳ      | 121.758     | 262.521               | 2.156             | 11,36                   | 11,60                       |
| 3   | Tây Ban Nha | 94.118      | 192.286               | 2.043             | 8,78                    | 8,50                        |
| 4   | Italia      | 91.729      | 181.535               | 1.979             | 8,56                    | 8,02                        |
| 5   | Nhật Bản    | 65.158      | 137.236               | 2.106             | 6,08                    | 6,06                        |
| 6   | Bỉ          | 50.495      | 109.216               | 2.163             | 4,71                    | 4,83                        |
| 7   | An giê ri   | 36.251      | 71.345                | 1.968             | 3,38                    | 3,15                        |
| 8   | Nga         | 35.546      | 85.074                | 2.393             | 3,32                    | 3,76                        |
| 9   | Pháp        | 30.064      | 59.758                | 1.988             | 2,81                    | 2,64                        |
| 10  | Anh         | 28.461      | 59.136                | 2.078             | 2,66                    | 2,61                        |
| 11  | Phi lip pin | 26.035      | 65.297                | 2.508             | 2,43                    | 2,88                        |

| STT | Tên nước         | Lượng (tấn)      | Kim ngạch (nghìn USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Thị phần theo lượng (%) | Thị phần theo kim ngạch (%) |
|-----|------------------|------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 12  | Thái Lan         | 24.871           | 56.630                | 2.277             | 2,32                    | 2,50                        |
| 13  | Ấn Độ            | 24.697           | 46.476                | 1.882             | 2,30                    | 2,05                        |
| 14  | Trung Quốc       | 24.152           | 64.444                | 2.668             | 2,25                    | 2,85                        |
| 15  | Hàn Quốc         | 23.650           | 49.369                | 2.088             | 2,21                    | 2,18                        |
| 16  | Malaysia         | 18.182           | 38.929                | 2.141             | 1,70                    | 1,72                        |
| 17  | Mê hi cô         | 12.374           | 23.272                | 1.881             | 1,15                    | 1,03                        |
| 18  | Ô x trây li a    | 11.749           | 25.980                | 2.211             | 1,10                    | 1,15                        |
| 19  | Ba lan           | 11.378           | 27.649                | 2.430             | 1,06                    | 1,22                        |
| 20  | Hà Lan           | 10.576           | 22.460                | 2.124             | 0,99                    | 0,99                        |
|     | <b>Cộng</b>      | <b>921.409</b>   | <b>1.931.638</b>      | <b>2.096</b>      | <b>85,97</b>            | <b>85,34</b>                |
|     | Các nước khác    | 150.346          | 331.871               | 2.207             | 14,03                   | 14,66                       |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>1.071.755</b> | <b>2.263.509</b>      | <b>2.112</b>      | <b>100,00</b>           | <b>100,00</b>               |

*Nguồn: TCHQ, 2015*

## **Tình hình giá cả nội địa**

Niên vụ 2014/15 đúng là một niên vụ đầy biến động với giá cà phê lên xuống liên tục. Đầu vụ giá ở mức cao nhưng sau đó đi xuống nhanh chóng. Từ tháng 3 mức giá cà phê nội địa trung bình chỉ khoảng 38 triệu đồng/tấn. Sang tháng 7 giá cà phê nội địa trung bình chỉ còn 36.600 triệu đồng/tấn. Giá FOB (HCM) cũng có biến động nhưng ít hơn với dao động trong khoảng 1.800 USD/tấn vì còn được chốt giá ở mức cộng so với thị trường Liffe London. Mức trừ lùi cao

nhất phải kể đến là tháng 2 với -90 USD, tháng 5 trở đi mức chênh +50 đến +60 USD so với sàn Liffe. (Bảng 8)

**Bảng 8. Bảng giá cà phê từ đầu niên vụ 2014/15**

| <b>Tháng</b> | <b>Cà phê nhân xô tại Đắc Lắc (VND/kg)</b> | <b>FOB (HCM) (USD/tấn)</b> | <b>So với sàn Liffe</b> |
|--------------|--------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| 10/2014      | 40.800                                     | 2.070                      | -30                     |
| 11/2014      | 40.600                                     | 2.020                      | -30                     |
| 12/2014      | 39.700                                     | 1.904                      | -60                     |
| 1/2015       | 40.100                                     | 1.873                      | -80                     |
| 2/2015       | 39.900                                     | 1.846                      | -90                     |
| 3/2015       | 38.200                                     | 1.748                      | -70                     |
| 4/2015       | 38.700                                     | 1.789                      | 10                      |
| 5/2015       | 36.900                                     | 1.770                      | 60                      |
| 6/2015       | 37.700                                     | 1.808                      | 50                      |
| 7/2015       | 36.600                                     | 1.752                      | 52                      |

*Nguồn: VICOFA, 2015*

**Tình hình chất lượng cà phê Việt Nam**

So sánh với vụ mùa 2013-2014, cà phê xuất khẩu phần lớn là cỡ sàng 13 có chiều hướng giảm. Cỡ sàng 16 và 18 tăng lên, nhất là loại đánh bóng ướt và chất lượng cao

Nguyên nhân tăng giảm phần lớn do tập đoàn Nestle trong vụ mùa này đã chuyển nhu cầu chất lượng từ Nestle 7.1, 7.2

(15% lỗi, 3% đen-vỡ, S13, nhưng khác nhau về thử nếm) sang Nestle 7.1 (12% lỗi, 2% đen-vỡ, S16) tương đương với loại R1 2% sàng 16 và Nestle 7.2 (18% lỗi, 5% đen-vỡ, S13) tương đương với loại R2 5% sàng 13.

Dù là hàng chất lượng cao nhưng tỉ lệ của loại này vẫn thấp, trong đó tỉ lệ loại 15% lỗi (Nestle 7.1, 7.2) chiếm tỉ trọng lớn.

Tỉ lệ hàng 30 và 60 lỗi là hàng chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam

TCVN 4193 : 2005 chiếm tỉ lệ rất khiêm tốn chưa đến 1% tổng sản lượng.

TCVN 4193 : 2014 vẫn chưa được áp dụng.

### **Dự kiến niên vụ 2015/16**

Hiện tượng thời tiết El Nino đã trở lại tác động lên các vùng sản xuất cà phê quanh vịnh Thái Bình Dương.

Theo thông tin từ văn phòng khảo sát của Chính phủ Brazil, vụ 2015/16 hầu hết bị ảnh hưởng của hạn hán từ giữa tháng 8 và tháng 9/2014 trong thời kỳ hoa nở, và thời tiết khô hạn nhiều hơn từ giữa tháng 12. Thời gian hoa nở những người nông dân không thể đầu tư phân bón đã làm tỷ lệ hình thành quả cà phê thấp hơn và thường bị lỗi. Dự kiến sản lượng Brazil vụ đang thu hái chỉ 41-45 triệu bao.

Theo Conab, sản lượng cà phê niên vụ 2015/16 của Brazil sẽ khoảng 44,1 – 46,6 triệu bao, trong đó Arabica là 32,5 – 34,4 triệu bao và Robusta là 11,6 – 12,2 triệu bao. Trong khi

đó, USDA và Volcafe lại dự báo ở mức rất cao, trên 50 triệu bao.

Dự báo sản lượng cà phê của Ấn Độ niên vụ 2015/16 (tháng 10/2015 - tháng 9/2016) đạt 5,92 triệu bao.

Tại Việt Nam: Vụ 2015/16 các tỉnh Tây Nguyên lại phải đối mặt với hạn hán, nguồn nước bị thiếu nghiêm trọng, một vài nơi có mưa nhưng lượng mưa thấp hơn từ 10 – 30% so với các năm trước. Bên cạnh đó, thời tiết rét bất thường, cây cà phê bị nhiễm “cúm” khi ra hoa, cây rụng lá hàng loạt, rồi sau đó lại bị ảnh hưởng của sương muối.

Hiện nay tại các tỉnh Tây Nguyên thời tiết bất thường, một số nơi mưa to gây rụng quả non, do đó dự kiến sản lượng cà phê niên vụ tới 2015/16 còn thấp hơn niên vụ này. Như vậy đây sẽ là vụ thứ 2 liên tiếp cà phê bị mất mùa./.

## Từ lý thuyết đến thực hành:

### **Báo cáo cam kết thương nhân (COT) của Ủy ban thương mại hàng hóa tương lai Hoa Kỳ (CFTC)**

123 GLOBAL

#### **Tìm hiểu các cam kết thương nhân thị trường cà phê**

*Các cam kết của thương nhân (Commitments of Traders/ COT) là một báo cáo tổng hợp sự thay đổi vị thế mua hay bán trên các thị trường hàng hóa của các tổ chức phát hành mỗi thứ Ba hàng tuần bởi CFTC - Ủy ban Thương mại hàng hóa tương lai Hoa Kỳ.*

Báo cáo COT cung cấp số liệu phân tích về sự thay đổi vị thế các hợp đồng mở trên các thị trường của 20 hoặc nhiều hơn các thương nhân giữ các vị thế tương đương hoặc cao hơn mức báo cáo được thiết lập bởi CFTC.

Có hai loại báo cáo COT, gồm định dạng Long Format (mua ròng) và định dạng Short Format (bán ròng). Các báo cáo Short Format cho số liệu về vị thế các hợp đồng mở phân chia theo Nhóm Reportable (có thể báo cáo) và Nhóm Nonreportable (không thể báo cáo). Đối với Nhóm Reportable, dữ liệu bổ sung, thay đổi so với báo cáo trước đó, được cung cấp từ vị thế nắm giữ của các nhà thương mại và phi thương mại nhóm kinh doanh hoán đổi, tỷ lệ phần trăm các hợp đồng mở theo từng nhóm, và số lượng thương nhân.

Các báo cáo Long Format, ngoài các thông tin trong bản báo cáo Short Format, cung cấp thêm các dữ liệu thống kê theo niên vụ, và khi thích hợp, cho thấy mức độ nắm giữ vị thế của 4 và 8 nhà kinh doanh lớn nhất thị trường.

Báo cáo bổ sung tổng hợp các vị thế trên thị trường tương lai (futures) và quyền chọn (options) bao gồm vị thế của các nhà thương mại, phi thương mại, các quỹ đầu tư chỉ số và các nhà đầu cơ trên 12 loại nông sản được lựa chọn (trong đó có cà phê).

Báo cáo COT thường được công bố vào ngày thứ Sáu, lúc 03 giờ 30 p.m theo giờ Eastern Time (ET), tức 02 giờ 30 sáng thứ Bảy theo giờ Việt Nam.

Trên thị trường cà phê, các chủ thể giao dịch MUA hay BÁN các hợp đồng cà phê kỳ hạn (các hợp đồng tương lai hay quyền chọn) và số lượng mua bán của họ được CFTC thống kê hàng tuần trong báo cáo COT.

Báo cáo COT liệt kê số lượng Mua hay Bán các Hợp đồng mở (Open Interest) của các nhóm chủ thể tham gia thị trường để đảm bảo sự minh bạch và để các nhà đầu tư tham gia có số liệu thống kê, có các đánh giá tổng thể về thị trường cà phê nhằm giao dịch có định hướng và minh bạch hơn.

Các chủ thể tham gia thị trường cà phê được CFTC thống kê giao dịch, gồm:

***Producer/Merchant/Processor/User*** (tạm dịch là: Nhà sản xuất / Thương mại / Chế biến / Người sử dụng)

Nhóm này được gọi chung là Nhóm Thương Mại (COMMERCIALS).

Đây là nhóm chủ thể thương mại, mua bán và liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất, chế biến, đóng gói vận chuyển cà phê từ nông dân, người sản xuất đến tận tay người tiêu dùng.

Nhóm chủ thể này sử dụng các công cụ phái sinh trên thị trường cà phê kỳ hạn (forwards) để quản lý rủi ro và bảo hiểm (hedge) là chủ yếu. Các rủi ro liên quan đến sự biến động khó lường của giá cà phê dẫn đến tổn thất lợi nhuận trong quá trình kinh doanh hàng thực.

Các công ty xuất khẩu cà phê tại Việt Nam, các thương nhân mua bán thông qua các công ty nhập khẩu cà phê, các nhà rang xay cà phê đều nằm trong nhóm này.

Ví dụ: Công ty 2/9, Trung Nguyên, Nestle hay Starbucks nếu họ tham gia thị trường thì sẽ được liệt kê trong nhóm này.

### ***Swap Dealer/Index Trader***

Tạm dịch là nhà giao dịch hoán đổi/ nhà giao dịch chỉ số.

Swap Dealer: Có thể là các quỹ đầu tư (investment fund), các quỹ tương hỗ (mutual fund), các quỹ bảo hiểm/phòng hộ (hedge fund), các công ty kinh doanh cà phê... dùng các công cụ phái sinh trên thị trường cà phê để bảo hiểm rủi ro, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của mình.

Index Trader: Các quỹ đầu tư chỉ số (index fund), các nhà đầu tư chỉ số, thông thường là các ngân hàng, các định chế tài chính lớn. Họ tham gia thị trường cả phê chủ yếu trên việc phân tích các chỉ số hàng hóa, kinh doanh các nhóm hàng, trong đó có cả phê mà thực chất họ không bao giờ biết đến hoạt động kinh doanh hàng thật.

### ***Money Manager***

Các chủ thể đang quản lý quỹ, quản lý vốn cho các nhà đầu tư cá nhân hay tổ chức khác. Họ là các công ty tài chính, các quỹ đầu tư, quỹ hưu trí hay các công ty tư vấn kinh doanh hàng hóa (commodity trading advisor) hay các quỹ huy động nguồn vốn (commodity pool operator)...

### ***Other reportable***

Các chủ thể khác không được liệt kê vào các loại trên.

### ***Non reportable***

Là các số liệu chưa được phân vào các chủ thể trên và các chủ thể có quy mô nhỏ không được liệt kê ở các mục trên.

## **Báo cáo cam kết thương nhân thị trường cả phê Arabica – ICE Futures US**

Sau đây là Báo Cáo Cam Kết Thương Nhân - COT của CFTC, cập nhật ngày 22 tháng 9 năm 2015, gồm 4 loại:

**A. COT - LONG FORMAT - CHỈ BAO GỒM CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI:**

CÀ PHÊ ARABICA SÀN ICE FUTURES U.S.

Mã-083731

Cam kết thương nhân - Chỉ hợp đồng tương lai (Futures) ngày 22/9/2015

|                                                                                                                 |                | Các vị thế có báo cáo (Reportables) |        |           |            |        |         | Các vị thế không báo cáo (Nonreportables) |              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|--------|-----------|------------|--------|---------|-------------------------------------------|--------------|
|                                                                                                                 |                | Non-Commercial                      |        |           | Commercial |        |         |                                           |              |
|                                                                                                                 | Số hợp đồng mở | Long                                | Short  | Spreading | Long       | Short  | Long    | Short                                     | Long Short   |
| (HỢP ĐỒNG 37.500 LB)                                                                                            |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
| Tất cả :                                                                                                        | 193.509:       | 40.960                              | 65.735 | 29.603    | 110.568    | 89.208 | 181.131 | 184.546:                                  | 12.378 8.963 |
| CỦ :                                                                                                            | 182.018:       | 42.157                              | 67.701 | 24.525    | 103.876    | 81.326 | 170.558 | 173.552:                                  | 11.460 8.466 |
| Khác :                                                                                                          | 11.491:        | 3.372                               | 2.603  | 509       | 6.692      | 7.882  | 10.573  | 10.994:                                   | 918 497      |
| Thay đổi cam kết từ: 15/9/2015                                                                                  |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
|                                                                                                                 | 5.252:         | 559                                 | 1.907  | 2.191     | 1.853      | 1.297  | 4.603   | 5.395:                                    | 649 -143     |
| Tỷ lệ % số hợp đồng mở theo mỗi loại thương nhân                                                                |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
| Tất cả :                                                                                                        | 100,0:         | 21,2                                | 34,0   | 15,3      | 57,1       | 46,1   | 93,6    | 95,4:                                     | 6,4 4,6      |
| CỦ :                                                                                                            | 100,0:         | 23,2                                | 37,2   | 13,5      | 57,1       | 44,7   | 93,7    | 95,3:                                     | 6,3 4,7      |
| Khác :                                                                                                          | 100,0:         | 29,3                                | 22,7   | 4,4       | 58,2       | 68,6   | 92,0    | 95,7:                                     | 8,0 4,3      |
| # Số thương nhân:                                                                                               |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
| Tất cả :                                                                                                        | 398:           | 107                                 | 125    | 100       | 136        | 106    | 294     | 294:                                      |              |
| CỦ :                                                                                                            | 398:           | 107                                 | 129    | 95        | 134        | 101    | 290     | 286:                                      |              |
| Khác :                                                                                                          | 107:           | 13                                  | 18     | 5         | 59         | 37     | 74      | 58:                                       |              |
| Tỷ lệ % số hợp đồng mở do số thương nhân lớn nhất nắm giữ                                                       |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
| Theo tổng vị thế Theo vị thế ròng                                                                               |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
| 4 hoặc ít hơn 4 thương nhân 8 hoặc ít hơn 8 thương nhân 4 hoặc ít hơn 4 thương nhân 8 hoặc ít hơn 8 thương nhân |                |                                     |        |           |            |        |         |                                           |              |
|                                                                                                                 |                | Long                                | Short  | Long      | Short      | Long   | Short   | Long                                      | Short        |
| Tất cả :                                                                                                        |                | 13.6                                | 13.7   | 23.1      | 24.5       | 11.0   | 12.3    | 19.3                                      | 21.4         |
| CỦ :                                                                                                            |                | 14.4                                | 14.1   | 24.4      | 25.1       | 11.8   | 12.3    | 21.0                                      | 22.1         |
| Khác :                                                                                                          |                | 41.0                                | 42.0   | 52.7      | 56.5       | 38.0   | 42.0    | 48.0                                      | 55.7         |

## B. COT - SHORT FORMAT - CHỈ BAO GỒM CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI :

CÀ PHÊ ARABICA SÀN ICE FUTURES U.S.

Mã-083731

FUTURES ONLY POSITIONS AS OF 09/22/15

|                                                         |        |         |            |        |                 |         | VỊ THẾ KHÔNG BÁO CÁO |       |
|---------------------------------------------------------|--------|---------|------------|--------|-----------------|---------|----------------------|-------|
| NON-COMMERCIAL                                          |        |         | COMMERCIAL |        | TỔNG            |         |                      |       |
| LONG                                                    | SHORT  | SPREADS | LONG       | SHORT  | LONG            | SHORT   | LONG                 | SHORT |
| (HỢP ĐỒNG 37.500 LB)                                    |        |         |            |        | SỐ HỢP ĐỒNG MỞ: |         | 193.509              |       |
| CAM KẾT                                                 |        |         |            |        |                 |         |                      |       |
| 40.960                                                  | 65.735 | 29.603  | 110.568    | 89.208 | 181.131         | 184.546 | 12.378               | 8.963 |
| THAY ĐỔI TỪ NGÀY 15/9/2015 (THAY ĐỔI VỀ SỐ HỢP ĐỒNG MỞ: |        |         |            |        |                 |         | 5.252)               |       |
| 559                                                     | 1.907  | 2.191   | 1.853      | 1.297  | 4.603           | 5.395   | 649                  | -143  |
| TỶ LỆ % SỐ HỢP ĐỒNG MỞ CHO MỖI LOẠI THƯƠNG NHÂN         |        |         |            |        |                 |         |                      |       |
| 21,2                                                    | 34,0   | 15,3    | 57,1       | 46,1   | 93,6            | 95,4    | 6,4                  | 4,6   |
| SỐ THƯƠNG NHÂN THEO MỖI LOẠI (TỔNG SỐ THƯƠNG NHÂN:      |        |         |            |        |                 |         | 398)                 |       |
| 107                                                     | 125    | 100     | 136        | 106    | 294             | 294     |                      |       |

# C. COT - LONG FORMAT - BAO GỒM HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI VÀ QUYỀN CHỌN :

CÀ PHÊ ARABICA SÀN ICE FUTURES U.S.

Cam kết thương nhân kết hợp quyền chọn và tương lai, ngày 22/9/2015

Mã-083731

|       |  |              |  |   |  |                                 |  |   |  |            |   |   |        |                               |  |
|-------|--|--------------|--|---|--|---------------------------------|--|---|--|------------|---|---|--------|-------------------------------|--|
|       |  |              |  |   |  |                                 |  |   |  |            |   |   |        |                               |  |
| ----- |  |              |  |   |  |                                 |  |   |  |            |   |   |        |                               |  |
| :     |  | Tổng         |  | : |  | Vị thế có báo cáo (reportables) |  |   |  |            | : |   | Vị thế |                               |  |
| :     |  | Số           |  | : |  | Non-Commercial                  |  | : |  | Commercial |   | : |        | Không báo cáo (Nonreportable) |  |
| :     |  | Hợp đồng mở: |  | : |  | Long                            |  | : |  | Short      |   | : |        | Spreading                     |  |
| :     |  |              |  | : |  | Long                            |  | : |  | Short      |   | : |        | Tổng                          |  |
| :     |  |              |  | : |  | Long                            |  | : |  | Short      |   | : |        | Long                          |  |
| :     |  |              |  | : |  | Short                           |  | : |  | Long       |   | : |        | Short                         |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  | : |  |                                 |  | : |  |            |   | : |        |                               |  |
| :     |  |              |  |   |  |                                 |  |   |  |            |   |   |        |                               |  |

# D. COT - SHORT FORMAT - BAO GỒM HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI VÀ QUYỀN CHỌN:

|                                                             |        |         |            |         |         |                 |        |                                         |  |
|-------------------------------------------------------------|--------|---------|------------|---------|---------|-----------------|--------|-----------------------------------------|--|
| CÀ PHÊ ARABICA SÀN ICE FUTURES U.S.                         |        |         |            |         |         |                 |        | Mã-083731                               |  |
| VỊ THẾ KẾT HỢP QUYỀN CHỌN VÀ TƯƠNG LAI NGÀY 22/9/2015       |        |         |            |         |         |                 |        |                                         |  |
| NON-COMMERCIAL                                              |        |         | COMMERCIAL |         | TỔNG    |                 |        | VỊ THẾ KHÔNG BÁO CÁO<br>(NONREPORTABLE) |  |
| Long                                                        | Short  | Spreads | Long       | Short   | Long    | Short           | Long   | Short                                   |  |
| (HỢP ĐỒNG 37.500 LB)                                        |        |         |            |         |         | SỐ HỢP ĐỒNG MỞ: |        | 224.764                                 |  |
| CAM KẾT                                                     |        |         |            |         |         |                 |        |                                         |  |
| 38.719                                                      | 63.362 | 51.824  | 120.822    | 100.043 | 211.366 | 215.229         | 13.398 | 9.535                                   |  |
| THAY ĐỔI SO VỚI NGÀY 15/9/2015 (THAY ĐỔI VỀ SỐ HỢP ĐỒNG MỞ: |        |         |            |         |         |                 |        | 8.427)                                  |  |
| 290                                                         | 1.506  | 4.941   | 2.589      | 2.179   | 7.821   | 8.626           | 607    | -199                                    |  |
| TỶ LỆ % SỐ HỢP ĐỒNG MỞ ĐỐI VỚI MỖI LOẠI THƯƠNG NHÂN         |        |         |            |         |         |                 |        |                                         |  |
| 17,2                                                        | 28,2   | 23,1    | 53,8       | 44,5    | 94,0    | 95,8            | 6,0    | 4,2                                     |  |
| SỐ THƯƠNG NHÂN Ở MỖI LOẠI (TỔNG SỐ THƯƠNG NHÂN:             |        |         |            |         |         |                 |        | 414)                                    |  |
| 118                                                         | 128    | 123     | 142        | 119     | 320     | 324             |        |                                         |  |

Nhiều nhà giao dịch đầu cơ sử dụng báo cáo COT để giúp họ quyết định nên vào trạng thái mua hay bán. Có một thuyết cho rằng các nhà đầu cơ nhỏ nhìn chung sai lầm và trạng thái tốt nhất là đi ngược với trạng thái ròng chưa thể báo cáo. Một thuyết khác thì cho rằng các nhà giao dịch thương mại hiểu rõ thị trường nhất và đi theo trạng thái của họ thường cho cơ hội lời nhiều hơn.

Theo biểu đồ COT đối với giá cà phê arabica tương lai sàn ICE Futures US tại New York (dữ liệu Barchart.com), báo cáo COT được chia thành 3 nhóm:



(1) Nhóm thương mại (Commercials) gồm nhà sản xuất (producer) / thương nhân (merchant) / nhà chế biến (processor) / nhà giao dịch hợp đồng hoán đổi (swap dealers) / nhà giao dịch vật chất và hàng giấy (user) >>> **Đường màu đỏ**

(2) Nhóm phi thương mại (Non-Commercials) hay các nhà đầu cơ lớn (Large Speculators) bao gồm các quỹ quản lý tiền tệ (managed money) và các đầu cơ thuộc diện có thể báo cáo khác (other reportables) >>> **Đường màu xanh lá cây**

(3) Nhóm các nhà đầu cơ nhỏ (Small Speculators) >>> **Đường màu xanh da trời**